Ngày soạn: 25/7/2023

**BÀI 1:**

**CÂU CHUYỆN VÀ ĐIỂM NHÌN TRONG TRUYỆN KỂ**

Thời gian thực hiện: 11 tiết

(Đọc: 06 tiết, Thực hành tiếng Việt: 01 tiết, Viết: 02 tiết, Nói và nghe: 01tiết, Trả bài viết: Viết văn bản nghị luận: 01 tiết)

**A. MỤC TIÊU CHUNG**

**1. Về kiến thức:**

Hiểu được kiến thức cơ bản về thể loại tự sự với các khái niệm câu chuyện, điểm nhìn cùng với các kiến thức đã được học ở bài 7- SGK Ngữ văn 10, tập hai (người kể chuyện ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba, cảm hứng chủ đạo và tình cảm, cảm xúc của người viết), làm rõ khái niệm qua hai tác phẩm *Vợ nhặt* và *Chí Phèo.*

**2. Về năng lực:**

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện ngắn hiện đại như: không gian, thời gian, câu chuyện, nhân vật, người kể chuyện ngôi thứ ba, người kể chuyện ngôi thứ nhất, sự thay đổi điểm nhìn, sự nối kết giữa lời người kể chuyện và lời nhân vật.

- Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm; nhận xét được những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản.

- Nhận biết được các đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ viết và ngôn ngữ nói để có hướng vận dụng phù hợp, hiệu quả.

- Viết được văn bản nghị luận về một tác phẩm truyện, chú ý phân tích đặc điểm riêng trong cách kể của tác giả.

- Biết thuyết trình về nghệ thuật kể chuyện trong tác phẩm truyện.

**3. Về phẩm chất:**

- Biết yêu thương và có trách nhiệm đối với con người và cuộc sống.

- Thể hiện được tinh thần nhân văn trong việc nhìn nhận, đánh giá con người, đồng cảm với những hoàn cảnh, số phận không may mắn, trân trọng niềm khát khao được chia sẻ, yêu thương.

**B. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

**PHẦN 1: ĐỌC**

**Tiết 1,2,3 - VĂN BẢN 1: VỢ NHẶT**

**(03 tiết)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

- HS hiểu được nội dung, bối cảnh của tác phẩm; hoàn cảnh, số phận, tính cách từng nhân vật và mối quan hệ giữa các nhân vật; tư tưởng nhân văn cao đẹp của tác giả thể hiện ở quan niệm về các giá trị, văn hóa ứng xử, tình cảm của con người trong hoạn nạn.

- HS hiểu được câu chuyện ngôi thứ ba thể hiện ở mức độ thấu suốt diễn biến cũng như mọi thay đổi tinh vi trong hành động, suy nghĩ của nhân vật; sự chuyển dịch linh hoạt điểm nhìn trong kể chuyện; khả năng chi phối cách nhìn nhận, đánh giá của người đọc về sự việc, nhân vật được miêu tả trong tác phẩm.

**2. Về năng lực:**

**-** HS nhận biết được chủ đề và giá trị tư tưởng của tác phẩm.

- HS nhận biết và phân tích được đặc sắc của tình huống truyện, ý nghĩa của nó trong việc bộc lộ tính cách nhân vật, chủ đề tác phẩm.

- HS nhận biết và phân tích được những nét đáng chú ý trong cách người kể chuyện quan sát và miêu tả sự thay đổi của các nhân vật thể hiện ở các khía cạnh: điểm nhìn, lời kể và giọng điệu.

- HS nhận biết và phân tích được một số yếu tố nổi bật của truyện ngắn hiện đại qua đọc tác phẩm

**3. Về phẩm chất**:

- HS biết trân trọng tình người, yêu thương con người, đoàn kết, cưu mang nhau để vượt qua nghịch cảnh.

- Sống luôn có ước mơ, khát vọng hạnh phúc, lạc quan và không bao giờ được từ bỏ cơ hội, cho dù đó là cơ hội nhỏ nhất.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:**

**a. Chuẩn bị của giáo viên**

- KHBD, Bài giảng Power Point.

- Các tài liệu lí thuyết về truyện ngắn, tự sự học các bài nghiên cứu, phê bình về tác phẩm của Kim Lân. Một số sơ đồ về cốt truyện, nghệ thuật tổ chức điểm nhìn trong truyện ngắn *Vợ nhặt.*

- Phương tiện dạy học: Máy chiếu/Ti vi, máy tính kết nối mạng.

- Bảng giao nhiệm vụ cho học sinh ở nhà.

**b. Chuẩn bị của học sinh**

SGK, sách Bài tập Ngữ văn 11, bài soạn theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**2. Học liệu:** tranh ảnh, đoạn phim ngắn, sơ đồ, bảng biểu, phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Tổ chức**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Tiết** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **Vắng** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ**

**3. Bài mới**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**: Tạo tâm thế cho học sinh tiếp nhận câu chuyện qua một sự chia sẻ, cảm thông, yêu thương, đùm bọc nhau trong hoạn nạn của con người Việt Nam.

**b. Nội dung:**

- HS theo dõi video trên mạng xã hội YouTube do GV giới thiệu hoặc do HS chuẩn bị trước

- Vận dụng tri thức về cuộc sống và chính kiến của bản thân để trình bày vấn đề.

- HS biết độc lập suy nghĩ, làm chủ tình huống để có tư duy tiếp cận nội dung bài học.

- GV động viên khích lệ HS tự bộc lộ cảm xúc trước một vấn đề.

**c. Sản phẩm:** HS trao đổi suy nghĩ của mình

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  - GV yêu cầu HS xem video về nạn đói năm 1945 và nêu cảm nhận của em.  *https://www.youtube.com/watch?v=9KdeaPq7Pac*  ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  HS xem video và suy ngẫm.  ***Bước 3: Báo cáo thảo luận***  - HS chia sẻ quan điểm của mình  - HS theo dõi, nhận xét và phản biện.  ***Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện***  - GV đánh giá.  - Từ đó GV dẫn vào bài mới | \* ***HS chia sẻ theo sự hiểu biết của mình sau khi đã tìm hiểu.***  \* Những thước phim cho thấy hiện thực cảnh sinh tử trong nạn đói lịch sử 1945.  \* Phát biểu suy nghĩ về bối cảnh lịch sử, tình cảnh đói khát, tinh thần cộng đồng, ý thức cách mạng… |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Nội dung 1. TÌM HIỂU TRI THỨC NGỮ VĂN**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được những tri thức: Truyện ngắn hiện đại; câu chuyện và truyện kể; điểm nhìn trong truyện kể; lời người kể chuyện và lời nhân vật; ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết.

**b. Nội dung:**

- HS hoàn thành phiếu học tập ở nhà.

- GV tổ chức cho học sinh trình bày tại lớp

- HS tương tác, bổ sung vào hoàn thiện sản phẩm

**c. Sản phẩm:** Kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ***  GV cho học sinh trình bày nhanh tại lớp các nội dung:  - Truyện ngắn hiện đại  - Câu chuyện và truyện kể  - Điểm nhìn trong truyện kể  - Lời người kể chuyện và lời nhân vật  - Ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết  Lưu ý HS kết nối lớp 10 và lớp 11:  - Lớp 10:  + Bài 1- Sức hấp dẫn của truyện kể: Truyện kể ( tr.9), người kể chuyện( tr.10)  + Bài 7- Quyền năng của người kể chuyện: người kể chuyện ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba, có gắn với điểm nhìn.  ***Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ***  - HS dựa vào tri thức Ngữ văn ở SGK để hoàn thành phiếu học tập tại nhà  - HS báo cáo kết quả theo hướng dẫn của GV  ***Bước 3: Báo cáo thảo luận***  - HS lên trình bày kết quả làm việc cá nhân  - Giáo viên tổ chức cho HS đánh giá, nhận xét kết quả làm việc của bạn.  ***Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện***  GV bổ sung kiến thức như phần *Dự kiến sản phẩm* | \* **Tìm hiểu tri thức Ngữ văn**  **-** *Truyện ngắn hiện đại* là thể loại tự sự cỡ nhỏ, ở đó, sự ngắn gọn được nhìn nhận là một đặc trưng nổi bật, phản ánh nét riêng của tư duy thể loại. Truyện ngắn thường chỉ xoay quanh một, hai tình huống diễn ra trong khoảng thời gian, không gian hạn chế.  - *Câu chuyện và truyện kể*  + *Câu chuyện* (còn có thể gọi là truyện gốc) là nội dung của tác phẩm tự sự bao gồm nhân vật, bối cảnh và sự kiện được sắp xếp theo trật tự thời gian.  + *Truyện kể* gắn liền với câu chuyện nhưng không đồng nhất: nó bao gồm các sự kiện được tổ chức theo mạch kể của văn bản tự sự, gắn liền với vai trò người kể chuyện, hệ thống điểm nhìn và lớp lời văn nghệ thuật. Chú ý đến truyện kể tức là chú ý đến diễn biến câu chuyện được kể như thế nào.  - *Điểm nhìn trong truyện kể*  + *Điểm nhìn* được hiểu là vị trí để quan sát, trần thuật đánh giá của người kể chuyện.  + *Phân loại điểm nhìn trong tác phẩm tự sự*: điểm nhìn của người kể chuyện và điểm nhìn của nhân vật được kể; điểm nhìn bên ngoài (miêu tả sự vật, con người ở những bình diện ngoại hiện, kể về những điều mà nhân vật không biết); điểm nhìn bên trong (kể và tả xuyên qua cảm nhận, ý thức nhân vật); điểm nhìn không gian (nhìn xa - nhìn gần) và điểm nhìn thời gian (nhìn từ thời điểm hiện tại, miêu tả sự việc như nó đang diễn ra hay nhìn lại quá khứ, kể lại qua lăng kính hồi ức)…  - *Lời người kể chuyện và lời nhân vật*  + *Lời người kể chuyện* gắn với ngôi kể, điểm nhìn, ý thức và giọng điệu của người kể chuyện.  + *Lời nhân vật* là ngôn ngữ độc thoại hay đối thoại gần với ý thức, quan điểm, giọng điệu của chính nhân vật.  - *Ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết*  + *Ngôn ngữ nói* (còn gọi là khẩu ngữ) là ngôn ngữ âm thanh, được tiếp nhận bằng thính giác. Ngôn ngữ nói gắn liền với hoạt động giao tiếp của con người trong đời sống thường nhật như trò chuyện ở gia đình, nhà trường, nhà máy, công sở,…; phát biểu trong giờ học, cuộc họp, hội thảo; trao đổi khi mua bán ở chợ, siêu thị,…  + *Ngôn ngữ viết* là ngôn ngữ được thể hiện bằng chữ viết, được dùng trong sách, báo, văn bản hành chính, thư từ,… Ngôn ngữ viết tồn tại trong các văn bản xuất hiện dưới nhiều hình thức vật thể khác nhau: văn bản viết tay, bản đánh máy, bản in, bản chữ nổi dành cho người khiếm thị,… |

**Nội dung 2: ĐỌC VĂN BẢN *VỢ NHẶT***

**2.1. Tìm hiểu khái quát**

**a. Mục tiêu:**

- HS nhận biết được thông tin về tác giả Kim Lân.

- HS nhận biết được sự nghiệp sáng tác và hoàn cảnh ra đời truyện ngắn *Vợ nhặt.*

**b. Nội dung:**

- HS thực hiện theo yêu cầu của GV.

- HS dựa vào SGK và tìm hiểu qua Internet để nắm bắt được thông tin.

- GV hướng dẫn học sinh thực hiện và trình bày.

**c. Sản phẩm:** Kết quả hoạt động của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ***  **1. Đọc**  **2. Tác giả**  **3. Tác phẩm**  - GV yêu cầu HS làm việc ở nhà, (*Sử dụng phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ để diễn đạt*), khi đến lớp thuyết trình ngắn gọn:  + Cuộc đời và đóng góp của nhà văn Kim Lân.  + Tác phẩm: Hoàn cảnh sáng tác và xuất xứ.  ***Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ***  - HS tham khảo SGK, nền tảng công nghệ số hoặc làm sơ đồ tư duy để thực hiện nhiệm vụ.  ***Bước 3: Báo cáo thảo luận***  - Báo cáo kết quả học tập tại lớp. GV gọi 1-2 em trình bày sản phẩm (*Qua tivi/ máy chiếu/ giấy Ao*).  - GV tổ chức cho HS góp ý, nhận xét và bổ sung để hoàn thiện.  ***Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện***  - GV đánh giá, nhận xét kết quả làm việc của HS. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  **-** Kim Lân (1920-2007) tên khai sinh là Nguyễn Văn Tài, quê Bắc Ninh.  - Là cây bút chuyên viết truyện ngắn.  - Thế giới nghệ thuật của ông chủ yếu tập trung ở khung cảnh nông thôn và hình tượng người nông dân. Ông am hiểu sâu sắc cảnh ngộ và tâm lí của những người nông dân nghèo, rất gần gũi với sinh hoạt của ông – những con người gắn bó tha thiết với quê hương và cách mạng.  🡪 *“nhà văn một lòng đi về với đất, với người, với thuần hậu nguyên thủy của cuộc sống nông thôn*” (Nguyên Hồng).  **2. Tác phẩm**  - Bối cảnh: nạn đói năm Ất Dậu (1945).  - Xuất xứ: Tiền thân là tiểu thuyết *Xóm ngụ cư* (viết ngay sau Cách mạng tháng Tám), mất bản thảo, còn dang dở. Sau đó tác giả viết lại thành truyện ngắn *Vợ nhặt*. |

**2.2. Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu**

- Nhận biết và phân tích được các yếu tố trong truyện ngắn hiện đại: không gian, thời gian, câu chuyện, nhân vật, người kể chuyện ngôi thứ ba, sự thay đổi điểm nhìn, sự kết nối giữa lời người kể chuyện và lời nhân vật.

- HS hiểu được sự kiện chính của tác giả lựa chọn để tạo dựng tình huống truyện.

- HS nhận biết vai trò người kể chuyện trong cách quan sát và miêu tả sự thay đổi của nhân vật (điểm nhìn, lời kể và giọng điệu).

- HS có khả năng nhận biết, phân tích các chi tiết tiêu biểu để khái quát đặc điểm tính cách nhân vật.

***b. Nội dung***

- HS thực hiện theo yêu cầu của GV.

- HS làm việc cá nhân và hoạt động nhóm để tìm hiểu về tình huống truyện; vai trò người kể chuyện; nhân vật trong tác phẩm.

- GV hướng dẫn HS cách thức thực hiện và trình bày.

***c. Sản phẩm***

- Kết quả thực hiện nhiệm vụ của học sinh.

***d. Tổ chức thực hiện:***

*\* Đọc - hiểu khái quát*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| \* **Nhiệm vụ** ***1: Đọc và nêu cảm nhận chung***  ***Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ***  - HS đọc bài ở nhà. Em hãy chọn đọc một vài chi tiết, sự kiện trong truyện mà em yêu thích. HS chia sẻ vì sao em lại thích chi tiết, sự kiện đó?  - GV nhắc HS chú ý những gợi ý, định hướng trong các thẻ chỉ dẫn bên phải văn bản.  ***Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ***  - HS đọc, nêu cảm nhận của cá nhân.  ***Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ***  - Gọi 2 – 3 em đọc và chia sẻ cảm nhận của mình.  ***Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  - GV căn cứ vào Dự kiến sản phẩm để nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS. | **II. Khám phá văn bản**  **1.** **Đọc hiểu khái quát văn bản**  ***a. Đọc***  - *Cách đọc*: Vừa chậm rãi, hóm hỉnh, hài hước vừa đồng cảm thiết tha; chú ý những câu thoại ngắn, lửng lơ cần đọc nhấn giọng để hiểu ý.  ***HS nêu cảm nhận cá nhân***  - HS có thể chọn những chi tiết, sự kiện trong truyện khác nhau. Nêu cảm nhận khái quát về những chi tiết, sự kiện đó, lí giải được cơ bản về sự yêu thích của mình. |
| ***\* Nhiệm vụ 2: Xác định bố cục truyện***  ***Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ***  - Từ sự chuẩn bị bài ở nhà em hãy cho biết câu chuyện trong *Vợ nhặt* được kể theo trình tự nào, có thể chia thành mấy phần? Nêu khái quát nội dung từng phần?( GV lưu ý HS về một số dấu hiệu phân đoạn hiện diện trên bề mặt văn bản: dấu hoa thị, sự xen kẽ của một số đoạn tóm tắt phần bị lược trích, cần quan tâm đến các mốc thời gian trong câu chuyện được kể: *một buổi chiều giữa cái cảnh tối sầm lại vì đói khát…sáng hôm sau mặt trời lên bằng con sào*  - Theo mạch truyện kể và trình tự sự kiện, em thấy truyện ngắn tập trung miêu tả nhiều nhất nhân vật nào?  ***Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ***  - HS sử dụng máy chiếu/ tivi/ giấy A0 để trình bày kết quả làm việc của mình.  - HS nhận xét và bổ sung cho nhau.  ***Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ***  - HS trình bày. GV và HS theo dõi góp ý, bổ sung.  ***Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  - GV căn cứ vào Dự kiến sản phẩm để nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS.  🡪 Chú ý:  - **Câu chuyện** được bắt đầu từ cuộc gặp gỡ tình cờ giữa Tràng và người phụ nữ sau này là vợ anh trong một lần Tràng đẩy xe thóc Liên đoàn lên tỉnh. Đến lần thứ hai, khi Tràng buông câu nói đẩy đưa bông đùa, người phụ nữ ấy đã quyết định theo Tràng về làm vợ- một quyết định liều lĩnh của hai người. Nhưng từ buổi chiều khi Tràng đưa vợ về ra mắt mẹ, cuộc sống của các nhân vật có những thay đổi quan trọng🡪 Nhà văn đã tạo ra những chi tiết thắt nút, mở nút, sự luân phiên của những khoảnh khắc căng chùng khiến **truyện** có tiết tấu linh hoạt, hấp dẫn người đọc | ***b. Bố cục***  ***- Theo diễn biến của câu chuyện:***  + Đoạn 1 (Từ đầu đến hết phần tóm tắt đoạn tỉnh lược thứ hai): Sự hiện diện bất ngờ của người “vợ nhặt” vào buổi chiều trong con mắt dân xóm ngụ cư.  + Đoạn 2 (Tiếp theo đến “đẩy xe bò về…”): Tràng nhớ lại cơ duyên gặp người “vợ nhặt”.  + Đoạn 3 (Tiếp theo đến hết phần tóm tắt đoạn tỉnh lược thứ ba): Cuộc “chạm mặt” giữa nhân vật bà cụ Tứ với nàng dâu mới.  + Đoạn 4 (còn lại): Buổi sáng sau đêm tân hôn ở gia đình Tràng.  - Theo mạch truyện kể:  + Truyện ngắn Vợ nhặt bắt đầu từ buổi chiều Tràng đưa người vợ nhặt về nhà mình.  + Sau đó Tràng hồi cố những gì xảy ra trước đó.  -> Trình tự sự kiện trong mạch truyện kể cho thấy truyện tập trung miêu tả nhiều nhất những sự thay đổi trong tâm trạng và nhận thức của nhân vật Tràng |

***\* Đọc hiểu chi tiết văn bản***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV – HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***\* Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu nhan đề và tình huống truyện***  ***Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ***  - GV yêu cầu HS làm việc thảo luận theo cặp đôi để thực hiện yêu cầu:  + Căn cứ vào nghĩa của từ em có suy nghĩ gì về ý nghĩa nhan đề *Vợ nhặt.*  + Xác định tình huống truyện trong *Vợ nhặt* được tác giả tạo ra. Lí giải về sự độc đáo và nêu ý nghĩa của tình huống đó.  ***Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ***  - HS thực hiện thỏa luận theo yêu cầu và ghi ý kiến thống nhất vào giây để trình bày.  ***Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ***  - GV cho HS báo cáo kết quả làm việc cặp đôi để cả lớp theo dõi, nhận xét và phản biện.  - GV lắng nghe, hỗ trợ, tư vấn  ***Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  - GV nhận xét đánh giá và bổ sung kết quả hoạt động của HS theo mục Sản phẩm.  GV bổ sung làm rõ đặc điểm của tình huống truyện: Sự kiện xảy ra trong truyện dẫn đến những đột biến trong câu chuyện, làm bộc lộ những nét bản chất của đời sống và của nhân vật *làm nổi hình nổi sắc nhân vật*, đồng thời thể hiện rõ tư tưởng nghệ thuật của nhà văn. | ***2 Đọc hiểu chi tiết văn bản***  ***2.1. Nhan đề và tình huống truyện***  ***a. Nhan đề***  - *Hiểu nghĩa của từ*  + *Nhặt (động từ)*: hành động không chủ định, nhặt nhạnh một thứ đồ vật nào đó bị rơi vãi, mang tính ngẫu nhiên, may rủi (trong kết hợp từ có thể được dùng như tính từ)  + *Vợ (danh từ)*: người bạn đời, người phụ nữ quan trọng trong cuộc sống người đàn ông  -> *Vợ nhặt*: Con người (đáng lẽ cao quý) nhưng lại rẻ rúng như đồ vật, rơi vãi bên đường, dễ dàng nhặt được.  - *Ý nghĩa nhan đề*  + Nhan đề “Vợ nhặt” thâu tóm giá trị nội dung tư tưởng tác phẩm. Từ “nhặt” là động từ diễn tả sự rẻ rúng, tầm thường đi với những thứ lấy được cũng không ra gì. Thân phận con người bị rẻ rúng như cái rơm, cái rác, có thể “nhặt” ở bất kỳ đâu, bất kỳ lúc nào. Người ta hỏi vợ, cưới vợ, còn ở đây Tràng “nhặt” vợ. Đó thực chất là sự khốn cùng của hoàn cảnh, khiến người đọc vừa có thể phỏng đoán một tình huống khôi hài vừa liên hệ thân phận bé mọn, rẻ rúng của con người.  => Nhan đề dự đoán được tình huống truyện, nhân vật chính, và các sắc thái tâm lí khác: thể hiện thảm cảnh của người dân trong nạn đói 1945 (Ất Dậu), bộc lộ sự cưu mang, đùm bọc và khát vọng, sức mạnh hướng tới cuộc sống, tổ ấm, niềm tin của con người trong cảnh khốn cùng.  **b. Tình huống truyện**  - Tình huống truyện: Tràng nhặt vợ trên phố chợ (ngoài tỉnh) nơi Tràng mưu sinh trong nạn đói 1945.  - Tình huống độc đáo  + Lấy vợ, cưới xin, hôn nhân là những việc trọng đại nhất của đời người, cần có những nghi lễ trang nghiêm, sự chuẩn bị chu đáo, tỉ mỉ, cẩn trọng.  + Nhặt vợ như nhặt nhạnh của rơi vãi, rẻ rúng.  🡪 Tràng- một chàng trai xấu, ngờ nghệch, là dân ngụ cư, gia cảnh nghèo khó bỗng *nhặt* vợ - chấp nhận một người phụ nữ tứ cố vô thân, mỗi ngày phải chống chọi với nguy cơ chết đói , theo mình về làm vợ giữa nạn đói.  **- Ý nghĩa**  + Tình huống bất ngờ (nằm ngoài mọi tính toán từ trước của cả hai nhân vật), éo le (trong nạn đói, chuyện dựng vợ gả chồng là chuyện xa vời với những người dân nghèo phải chật vật xoay xở để sống sót qua ngày), tạo thành trung tâm cốt truyện, làm nền cho sự nảy nở những tình huống nhỏ, phụ khác, góp phần hình thành tính cách nhân vật và thể hiện chủ đề truyện.  + Tình huống mang giá trị nhân đạo khi tỏa sáng vẻ đẹp của tình người và tính người trong hoàn cảnh bi đát. Dù trong bất kỳ hoàn cảnh nào họ- những thân phận nghèo khổ vẫn yêu thương, bao dung, có tinh thần lạc quan, có khát vọng sống và khát vọng hạnh phúc.  🡪 Đặt trong tình huống truyện, theo trình tự câu chuyện - mỗi nhân vật đã có những thay đổi quan trọng từ diện mạo, tâm trạng, đến cách ứng xử. |
| ***\* Nhiệm vụ 4: Tìm hiểu nhân vật truyện***  ***Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ***  - GV yêu cầu HS hoạt động nhóm (3 HS), phát *Phiếu học tập số 1* để học sinh thảo luận, thống nhất về nội dung/ HS có thể chọn cách trình bày sơ đồ tư duy và trình bày.  *\* Nhân vật Tràng*  + Xuất thân, lai lịch; Hành động “nhặt vợ”.  + Diễn biến tâm lí của Tràng sau quyết định nhặt vợ (*khi quyết định đưa thị về; trên đường về nhà; khi về đến nhà; sáng hôm sau tỉnh dậy*).  ***Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ***  - GV yêu cầu HS làm việc nhóm 3 người, thảo luận và thực hiện nhiệm vụ.  ***Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ***  - HS đại diện nhóm lên trình bày sản phẩm.  - HS theo dõi, nhận xét và phản biện.  - GV lắng nghe, hỗ trợ, tư vấn.  ***Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  - GV đánh giá, bổ sung kiến thức như mục Dự kiến sản phẩm. | ***2.2. Hình tượng các nhân vật qua điểm nhìn, lời kể và giọng điệu***  ***a. Nhân vật Tràng***  **\* Trước khi nhặt vợ**  *­*- Ngoại hình: vẻ ngoài xấu xí, thô kệch.  (Đôi mắt gà gà nhỏ tí, quai hàm bạnh ra, mặt thô kệch, thân hình thì vậm vạp, to rộng, cái đầu trọc nhẵn, cái lưng to rộng lừng lững như con gấu. Ngoại hình của Tràng phản chiếu cả một sự tăm tối, hằn in dấu ấn của cuộc đời nghèo khổ, lam lũ)  - Hoàn cảnh: nhà nghèo, than phận dân ngụ cư bị coi thường, khinh rẻ; làm nghề kéo xe bò thuê.  - Tính cách: ngờ nghệch, vụng về  Ngôn ngữ khi suồng xã, lúc cộc lốc (“đấy, muốn ăn gì thì ăn”, “làm đếch gì có vợ”, khi lại lẩm bẩm một mình “quái, sao nó buồn thế nhỉ?” hay “Chán quá. Chẳng đâu vào đâu, tự nhiên cũng khóc”)  **\* Sau khi nhặt vợ**  *- Khi ở chợ:*  + Lúc đầu: nói đùa -> thành thật: “*có về với tớ thì ra khuân hàng lên xe rồi cùng về*” -> Khát vọng về mái nhà hạnh phúc, về tổ ấm gia đình.  -> lo *“thóc gạo này…”* -> vì nghèo đói, vì sự đèo bòng lúc này biết có qua khỏi nạn đói không -> băn khoăn về sự lựa chọn của một con người trước thử thách cuộc đời.  + Sau đó: tặc lưỡi “chậc, kệ!”: thể hiện bên ngoài là sự liều lĩnh, chấp nhận người đàn bà một cách không tính toán như bản tính nông nổi, ít suy nghĩ của Tràng -> Ẩn đằng sau đó là khao khát về tổ ấm gia đình, về hạnh phúc lứa đôi.  - *Trên đường về nhà:*  + Mặt hắn “*Phởn phở khác thường”, “tủm tỉm cười nụ một mình”, “hai mắt thì sáng lên lấp lánh*”, bật cười khi bị trêu….  -> hạnh phúc, mãn nguyện; sự xôn xao trong lòng anh nông dân nghèo khổ, làm thuê làm mướn lần đầu có được “niềm vui” chưa từng có.  - *Khi về đến nhà:*  + Bước vào nhà Tràng vội dọn dẹp sơ qua, tự giải thích về cảnh bừa bộn áo quần đồ đạc… “*không có người đàn bà, nhà cửa thế đấy!*” -> Lời thanh minh rất ngượng, nhưng chân chất, mộc mạc và đáng yêu.  + Tiếp theo Tràng thấy ngượng, đứng sững sờ giữa nhà một lúc, cảm thấy sợ, không hiểu… trông ngóng mẹ về, sốt ruột mong mẹ về hơn bao giờ hết.  + Tràng sợ đối diện với vợ, băn khoăn, lo lắng vì sợ vợ mới đổi ý vì gia cảnh khốn khó của hắn. Tràng còn phấp phỏng sợ vì chưa xin phép mẹ, không biết bà cụ có đồng ý hay không… cho nên anh gắt với mình một cách vô cớ, tự hỏi sao mẹ về muộn “*Sao hôm nay bà lão về muộn thế không biết!*”.  + Tâm trạng Tràng xen lẫn lo lắng, băn hoăn và buồn “*Quái sao nó lại buồn thế nhỉ?*”. Phải chăng cái buồn cho số phận, hoàn cảnh trớ trêu, cái buồn ấy lướt qua để cái hạnh phúc “*tủm tỉm cười một mình*” bởi món quà bất ngờ từ hoàn cảnh, hắn ngạc nhiên, ngờ ngợ như không phải thế. Câu hỏi “*ra hắn đã có vợ rồi đấy ư?*” thể hiện chính hắn cũng không tin đó là sự thật.  + Khi mẹ về, Tràng trịnh trọng mời mẹ vào nhà, trình bày ngắn gọn và mộc mạc câu chuyện lấy vợ đặc biệt của mình và cho rằng do duyên số cả, đây cũng là cách xin ý kiến mẹ. Khi được mẹ chấp nhận, thông cảm thì Tràng thở phào một cái, người nhẹ hẳn đi và bước ra sân.  - *Sau đêm tân hôn (sáng hôm sau):*  *+ “Trong người êm ái lửng lơ như người vừa ở trong giấc mơ đi ra”* -> hạnh phúc ngọt ngào, vừa mơ vừa thực  *+ “thấy thương yêu gắn bó với cái nhà của hắn lạ lùng”*, *“vui sướng, phấn chấn”, “hắn thấy có bổn phận lo lắng cho vợ con sau này”*;hắn muốn góp phần tu sửa cho căn nhà…  *->* Tràng tự thấy mình thay đổi, trưởng thành, ý thức được vị trí chủ nhà, biết sống trách nhiệm với mọi người, hắn sẽ tham gia xây dựng gia đình trong niềm vui sướng đột ngột tràn ngập trong lòng.  - Hình ảnh lá cờ đỏ sao vàng trên đê Sộp (*“Trong óc Tràng vẫn thấy đám người đói và lá cờ đỏ bay phấp phới”*) -> Nghĩ tới sự đổi thay, niềm tin vào tương lai*,* mơ hồ cảm thấy phải tham gia vào hành động chung của nhân dân dưới sự lãnh đạo của Việt Minh để tự giải phóng.  **\* Tiểu kết**  **- Điểm nhìn:**  + Trước khi nhặt vợ: điểm nhìn bên ngoài (hình dáng, tính cách, lời nói ngôn ngữ và hoàn cảnh sống)  + Sau khi nhặt vợ và buổi sáng hôm sau: điểm nhìn bên trong kết hợp bên ngoài (Suy nghĩ, cảm xúc tâm trạng, lời nói với cô vợ và người mẹ, suy nghĩ và cảm xúc vào buổi sáng ngày hôm sau).  **- Lời kể:** Lời tái hiện ý thức và giọng điệu nhân vật, lời độc thoại nội tâm (“Quái sao nó lại buồn thế nhỉ?... Ồ sao nó lại buồn thế nhỉ”)  **- Giọng điệu:** mộc mạc, tự nhiên, gần gũi, có tính khẩu ngữ; có sự chắt lọc kĩ lưỡng, có sức gợi.  - **Theo trình tự câu chuyện,** nhân vật có sự thay đổi: Từ ngờ nghệch, khó lấy vợ, Tràng như đổi khác. Tràng có những cảm giác mới mẻ, trỗi dậy tình nghĩa khi đi bên vợ, muốn sống cho nên người để lo cho gia đình, ý thức về sự đổi đời…  => Hạnh phúc gia đình thực sự đã đến với người đàn ông thô kệch, kém duyên, nghèo khổ giữa cơn đói khát năm 1945.  Thông qua đó, tác giả thể hiện tinh thần lạc quan, niềm tin vào cuộc sống bởi cuộc sống không có đường cùng nếu con người biết ước mơ, biết chắt chiu cơ hội để tìm kiếm hạnh phúc. |
| ***\* Nhiệm vụ 4: Tìm hiểu nhân vật (tiếp)- có thể định hướng cho HS tự chuẩn bị và trình bày với hai nhân vật bà cụ Tứ và người vợ nhặt nếu thời gian hữu hạn.***  ***Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ***  - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân và phát biểu cảm nhận của mình về nhân vật *người vợ nhặt*  *\* Nhân vật ngừoi vợ nhặt*  + Xuất thân, lai lịch, biểu hiện.  + Diễn biến trở thành vợ Tràng (khát khao sinh tồn và tìm kiếm hạnh phúc).  ***Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ***  - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân thực hiện nhiệm vụ.  ***Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ***  - HS lên trình bày sản phẩm, cả lớp theo dõi, nhận xét và phản biện.  - GV lắng nghe, hỗ trợ, tư vấn.  ***Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  - GV đánh giá, bổ sung kiến thức như mục Dự kiến sản phẩm. | **b. Nhân vật người vợ nhặt**  **\* Trước khi làm vợ nhặt**  - Thân phận:Thị là một cô gái không tên, không gia đình, quê hương, bị cái đói cướp đi tất cả, đẩy ra lề đường, rách rưới, gầy xọp…  -> Người đàn bà không tên (phiếm định) đại diện cho biết bao con người trong nạn đói có chung số phận nhỏ nhoi, tội nghiệp, đáng thương, những nạn nhân thê thảm của nạn đói.  - Lời nói, cử chỉ:  + Cong cớn, sưng sỉa, chao chát, chỏng lỏn *(“Điêu! Người thế mà điêu!”; “Hôm ấy leo lẻo cái mồm”)*  + “*cắm mặt ăn một chặp bốn bát bánh đúc chẳng chuyện trò gì*”.  -> Cái đói đã làm thị trở nên chao chát, đanh đá, liều lĩnh, đánh mất sĩ diện, sự e thẹn, bản chất dịu dàng, chấp nhận làm “vợ nhặt”. Tuy nhiên trong sâu thẳm con người, cô vẫn khao khát một mái ấm.  **\* Sau khi làm vợ Tràng**  - Trên đường theo Tràng về:  *“Thị cắp cái thúng con, đầu hơi cúi xuống, cái nón rách tàng nghiêng nghiêng che đi nửa mặt. Thị có vẻ rón ren, e thẹn”.*  Khi nhận thấy cái nhìn tò mò của người xung quanh, *“thị càng ngượng nghịu, chân nọ bước ríu cả vào chân kia”*  -> cái vẻ “cong cớn” biến mất, chỉ còn người phụ nữ xấu hổ, ngượng ngùng và cũng đầy nữ tính.  - Khi về đến nhà:  + Bước vào cổng: *“nén một tiếng thở dài”*  -> Sự thất vọng thầm kín trước gia cảnh nhà chồng; sự chấp nhận hoàn cảnh, số phận đưa đẩy; sự cảm thông, chia sẻ với người cùng khổ.  + Vào trong nhà:*“ngồi mớm ở mép giường”*; Gặp bà cụ Tứ: Chào “*U*” nhỏ nhẹ, đứng khép nép, mặt cúi xuống, *tay vân vê tà áo* *đã rách bợt*…  -> Thị như ý thức được vị trí chưa chắc của mình, đang lo âu, băn khoăn, hồi hộp; xót xa, tủi phận  -> người có lòng tự trọng.  - Sáng hôm sau:  + Dậy sớm, quét dọn nhà cửa; ăn nói lễ phép, đúng mực-> tham gia công việc nhà chồng một cách tự nguyện, chăm chỉ, có khả năng chịu khổ, biết đồng cảm, có ý thức chia sẻ, cảm thong; trở thành một người vợ hiền dâu thảo; biết chăm lo, vun vén cho gia đình (khác hẳn những lần Tràng gặp trên tỉnh)  + Kể chuyện ở Bắc Giang, Thái Nguyên phá kho thóc Nhật chia cho người đói-> thắp lên niềm tin và hi vọng của mọi người.  **\* Tiểu kết:**  **- Điểm nhìn:**  + Trước khi theo Tràng: điểm nhìn bên ngoài (hình dáng, tính cách, cách nói chuyện)  + Sau khi theo Tràng và buổi sáng ngày hôm sau: Bên ngoài (Hành động, nét mặt, biểu hiện qua những chi tiết nhỏ trên gương mặt)  **- Lời kể:** Lời tái hiện ý thức và giọng điệu nhân vật (Thị đảo mắt nhìn xung quanh, cái ngực gầy lép nhô lên, nén một tiếng thở dài)  **- Giọng điệu:** mộc mạc, chân thật, có tính khẩu ngữ; có sự chắt lọc…  - **Theo trình tự câu chuyện**, nhân vật có sự thay đổi: Từ chao chát, chỏng lỏn, trơ trẽn, liều lĩnh theo một người đàn ông chưa hề quen biết, thị như trở thành một con người khác. Thị cư xử đúng mực, trở thành người vợ hiền dâu thảo, gieo niềm tin, vun đắp tổ ấm.  => Qua nhân vật người vợ nhặt, nhà văn đã tô đậm hiện thực nạn đói và đặc biệt là giá trị nhân đạo của tác phẩm: dù trong hoàn cảnh nào, người phụ nữ vẫn khát khao sự sống, khao khát một mái ấm gia đình hạnh phúc, có niềm tin cuộc sống. |
| ***\* Nhiệm vụ 4: Tìm hiểu nhân vật (tiếp)***  ***Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ***  - GV yêu cầu HS hoạt động nhóm (3 HS), phát *Phiếu học tập số 2* để học sinh thảo luận và tìm hiểu về nhân vật bà cụ Tứ  + Hình ảnh người mẹ  + Diễn biến tâm trạng của bà cụ Tứ (gặp mặt, trao đổi và đãi cơm).  ***Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ***  - GV yêu cầu HS làm việc nhóm 3 người, thảo luận và thực hiện nhiệm vụ.  ***Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ***  - HS đại diện nhóm lên trình bày sản phẩm, cả lướp theo dõi, nhận xét và phản biện.  - GV lắng nghe, hỗ trợ, tư vấn.  ***Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  - GV đánh giá, bổ sung kiến thức như mục Dự kiến sản phẩm. | **c. Nhân vật bà cụ Tứ**  **\* Trước khi Tràng có vợ**  - Hoàn cảnh: Bà là một người mẹ nghèo khổ, góa bụa, già nua, ốm yếu, là dân ngụ cư, sống cùng con trai trong ngôi nhà rúm ró.  - Ngoại hình: “lọng khọng”, “lập cập”; vừa đi vừa “lẩm bẩm tính toán”, “húng hắng ho”  -> Tuổi tác, vất vả, lo toan hằn in lên vóc dáng người mẹ nghèo khổ, ốm yếu.  **\* Sau khi Tràng có vợ**  - Khi mới bước vào nhà:  + Khi nghe tiếng reo, nhận thấy thái độ vồn vã khác thường của con (vô tâm, vô tính), bà lão phấp phỏng, biết có điều bất thường đang chờ đợi.  + Đến giữa sân nhà, “*bà lão đứng sững lại, càng ngạc nhiên hơn*”, đặt ra hàng loạt câu hỏi “*Quái, sao lại có người đàn bà nào ở trong ấy nhỉ?... Ai thế nhỉ?*”  -> ngạc nhiên, sững sờ.  - Khi nghe Tràng thưa chuyện  + Bà cúi đầu nín lặng, không nói và hiểu ra. Trong lòng chất chứa biết bao suy nghĩ: *“Bà lão hiểu rồi… vừa ai oán vừa xót thương cho số kiếp đứa con mình”* -> thương con, buồn tủi khi nghĩ đến thân phận của con phải lấy vợ trong hoàn cảnh éo le này*.*  *+ “Chao ôi, người ta dựng vợ gả chồng… đói khát này không”* -> Lo lắng vì không biết vợ chồng nó có sống qua nổi cái đói này không.  + *“Người ta có gặp bước khó khăn đói khổ này, người ta mới lấy đến con mình. Mà con mình mới có vợ được…”.* -> Thương cho người đàn bà khốn khổ cùng đường mới lấy đến con trai mình mà không tính đến nghi lễ cưới hỏi -> *Người mẹ thấu cảm*  + *“Thôi thì bổn phận bà là mẹ… chứ biết thế nào mà lo cho hết được”*. Tủi vì chưa hoàn thành bổn phận người mẹ lo vợ cho con trai. Mừng cho con trai mình có được vợ nhưng không giấu được sự lo lắng khi nghĩ đến tương lai của con.  - Khi trò chuyện với các con:  + *“ừ, thôi thì các con phải duyên, phải số với nhau, u cũng mừng lòng”* -> Nén vào lòng tất cả những lo lắng xót xa, bà giang tay đón người đàn bà xa lạ làm con dâu mình với tất cả sự cảm thông, bao dung  -> người mẹ hiểu chuyện, thấu cảm.  + Từ tốn căn dặn nàng dâu mới *“Nhà ta thì nghèo con ạ. Vợ chồng chúng mày liệu mà bảo nhau làm ăn. Rồi may ra mà ông giời cho khá… Biết thế nào hở con, ai giàu ba, họ ai khó ba đời”* -> Bà an ủi, động viên, gieo vào lòng con dâu niềm tin.  + Tuy vậy, bà vẫn không sao thoát khỏi sự ngao ngán khi nghĩ đến ông lão, đứa con gái út, *“đến cuộc đời cực khổ dài dằng dặc của mình. Vợ chồng chúng nó lấy nhau, cuộc đời chúng nó liệu có hơn bố mẹ trước kia không?”* -> Xót thương, lo lắng cho cảnh ngộ của con dâu.  => **một người mẹ nghèo khổ, rất mực thương con; một người phụ nữ Việt Nam nhân hậu, bao dung và giàu lòng vị tha,**  - Buổi sáng hôm sau:  + *“Sáng hôm sau, bà cảm thấy “nhẹ nhõm, tươi tỉnh khác ngày thường, cái mặt bủng beo u ám của bà rạng rỡ hẳn lên”*. Cùng với nàng dâu, bà thu dọn, quét nước nhà cửa, ý thức được bổn phận và trách nhiệm của mình.  + *Bữa cơm đãi nàng dâu mới:* bữa cơm ngày đói thật thảm hại nhưng *“cả nhà ăn rất ngon lành”*.  -> chắt chiu hạnh phúc đơn sơ.  + Bà toàn nói đến chuyện tương lai, chuyện vui, chuyện làm ăn với con dâu *“khi nào có tiền ta mua lấy đôi gà, ngoảnh đi ngoảnh lại chả mấy mà có đàn gà cho xem”* -> nhen nhóm niềm tin, niềm hi vọng cho các con, là một con người lạc quan, có niềm tin vào tương lai, hạnh phúc tươi sáng.  + Chi tiết nồi chè khoán:  -> hình ảnh thu nhỏ của hiện thực đói nghèo trong cuộc sống của người dân xóm ngụ cư giữa nạn đói năm 1945.  -> lời tố cáo tội ác của thực dân, phát xít, đã gây ra thảm cảnh nạn đói cho người Việt.  -> Sự chắt chiu, tấm lòng của người mẹ dành cho các con.  **\* Tiểu kết:**  **- Điểm nhìn:**  + Khi Tràng vừa đưa thị về: điểm nhìn bên ngoài (lời nói) và bên trong (suy nghĩ, cảm xúc dành cho đứa con)  + Buổi sáng ngày hôm sau: Bên ngoài (Lời nói và hành động)  **- Lời kể:** Lời tái hiện ý thức và giọng điệu nhân vật (đối thoại và độc thoại nội tâm).  **- Giọng điệu:** mộc mạc, tự nhiên, diễn tả chân thật, tinh tế từng ánh mắt, cử chỉ và nội tâm của nhân vật.  - **Theo trình tự câu chuyện**, nhân vật có sự thay đổi: Từ bủng beo, u ám -> ngạc nhiên -> đau đớn, tủi cực, xót xa xen lẫn vui mừng -> rạng rỡ, có niềm tin vào tương lai, dự cảm đổi đời.  => **Hình tượng nhân vật bà cụ Tứ hoàn chỉnh bức tranh chân thực về cuộc sống và con người trong nạn đói, làm nổi bật giá trị nhân đạo của tác phẩm.** |

***Rubric thảo luận nhóm:***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TIÊU CHÍ** | **CẦN CỐ GẮNG**  **(0 – 4 điểm)** | **ĐÃ LÀM TỐT**  **(5 – 7 điểm)** | **RẤT XUẤT SẮC**  **(8 – 10 điểm)** |
| **Hình thức**  **(2 điểm)** | **0 điểm**  Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả  Sai lỗi chính tả | **1 điểm**  Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu  Trình bày cẩn thận  Không có lỗi chính tả | **2 điểm**  Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu  Trình bày cẩn thận  Không có lỗi chính tả  Có sự sáng tạo |
| **Nội dung**  **(6 điểm)** | **1 - 3 điểm**  Chưa trả lơi đúng câu hỏi trọng tâm  Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn  Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện | **4 – 5 điểm**  Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn  Trả lời đúng trọng tâm  Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao | **6 điểm**  Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn  Trả lời đúng trọng tâm  Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao  Có sự sáng tạo |
| **Hiệu quả nhóm**  **(2 điểm)** | **0 điểm**  Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ  Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động | **1 điểm**  Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thông nhát  Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động | **2 điểm**  Hoạt động gắn kết  Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo  Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động |
| **Điểm** |  |  |  |
| **TỔNG** |  | | |

**Nội dung 3: Tổng kết**

**a. Mục tiêu**

**-** HS biết cách khái quát vấn đề qua một văn bản truyện cụ thể

***b. Nội dung***

- HS thực hiện theo yêu cầu của GV.

- HS làm việc cá nhân và hoạt động nhóm để tìm hiểu về giá trị nội dung, đặc sắc nghệ thuật tác phẩm.

- GV hướng dẫn HS cách thức thực hiện và trình bày.

***c. Sản phẩm***

- Kết quả thực hiện nhiệm vụ của học sinh.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV – HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***Bước 1*. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS tổng kết văn bản qua các yêu cầu: Giá trị nội dung; Đặc sắc nghệ thuật  🡪 Lưu ý HS phát hiện đặc điểm nghệ thuật gắn với dẫn chứng từ văn bản.  ***Bước 2*. Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS sử dụng máy chiếu/ tivi/ giấy A0 để trình bày kết quả làm việc của mình.  ***Bước 3*. Báo cáo thảo luận:**  - HS trình bày. GV và HS theo dõi góp ý, bổ sung.  ***Bước 4*. Đánh giá kết quả thực hiện:**  - GV căn cứ vào Dự kiến sản phẩm để nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS.  **Chú ý**: chỉ rõ cho HS cách người kể chuyện quan sát và miêu tả sự thay đổi của các nhân vật qua điểm nhìn, lời kể, giọng điệu🡪 khái quát đặc sắc nghệ thuật tác phẩm.  GV bổ sung:  - Kiến thức lớp 10 ( tr.38 - NV tập 2): Người kể chuyện ngôi thứ ba là người ẩn danh, không trực tiếp xuất hiện trong tác phẩm như một nhân vật, không tham gia vào mạch vận động của cốt truyện và chỉ được nhận biết qua lời kể. Người kể chuyện ngôi thứ ba có khả năng nắm bắt tất cả những gì diễn ra trong câu chuyện, kể cả những biểu hiện sâu kín trong nội tâm nhân vật, do vậy có khả năng trở thành người kể chuyện toàn tri( biết hết mọi chuyện) song người kể chuyện ngôi thứ ba có sử dụng quyền toàn tri hay không còn tùy thuộc vào nguyên tắc tổ chức truyện kể của từng tác phẩm. | **III. Tổng kết**  ***1. Nội dung***  - Tình cảnh thê thảm của người nông dân Việt Nam trước cách mạng trong nạn đói khủng khiếp 1945  -> giá trị hiện thực.  - Trân trọng và ngợi ca tình yêu thương, đùm bọc, niềm khát khao tổ ấm gia đình, niềm tin mãnh liệt vào cuộc sống của những con người nghèo khổ ngay bên bờ vực của cái chết.  -> giá trị nhân đạo sâu sắc.  🡪 **Chủ đề**: Thông qua tình huống truyện bất ngờ mà éo le, *Vợ nhặt* đề cao sức mạnh của lòng cảm thông giữa con người với con người trong hoàn cảnh khắc nghiệt; đề cao niềm lạc quan tin tưởng vào sự sống.  Chia sẻ của Kim Lân: ***Trong hoàn cảnh khốn cùng, dù cận kề bên cái chết, những con người ấy không nghĩ đến cái chết mà vẫn hướng tới sự sống, vẫn hi vọng, tin tưởng ở tương lai. Họ vẫn muốn sống, sống cho ra con người.***  ***2. Nghệ thuật***  - Cách kể chuyện tự nhiên, lôi cuốn, hấp dẫn, kể theo ngôi thứ ba song có sự dịch chuyển điểm nhìn trần thuật, nương theo điểm nhìn của các nhân vật, đặc biệt nhân vật Tràng và bà cụ Tứ.  + Ngôi kể thứ ba cho phép người kể chuyện có thể quan sát cả ba nhân vật cũng như bối cảnh của câu chuyện. Điểm nhìn của người kể chuyện chiếm ưu thế trong những miêu tả về nạn đói khiến người đọc hình dung chân thật về cái đói khủng khiếp thành hình, thành màu, thành mùi, thành âm thanh.  + Người kể chuyện thường nương theo điểm nhìn của các nhân vật, đặc biệt là nhân vật Tràng và bà mẹ. Điểm nhìn bên trong là loại điểm nhìn chủ yếu của Vợ nhặt, làm phát lộ những suy nghĩ bên trong, những thay đổi trong tâm trạng của các nhân vật. Người vợ nhật chủ yếu là nhân vật được quan sát từ bên ngoài qua điểm nhìn của người kể chuyện và Tràng( người đọc cần chú ý phát hiện vẻ đẹp con người bên trong nhân vật qua những thay đổi bên ngoài của nhân vật theo mạch truyện- ví dụ *cái ngực gầy lép nhô lên, nén một tiếng thở dài*)  - Nghệ thuật xây dựng tình huống truyện đầy tính sáng tạo.  - Dựng cảnh chân thật, gây ấn tượng: cảnh chết đói, cảnh bữa cơm ngày đói,…  - Miêu tả tâm lí nhân vật tinh tế nhưng bộc lộ tự nhiên, chân thật.  - Ngôn ngữ gần gũi, mộc mạc, tự nhiên, giàu giá trị tạo hình, gợi tả, biểu cảm (đặc biệt là các từ láy), sắc thái khẩu ngữ đời thường, đậm đà bản sắc địa phương.  - Giọng kể thay đổi linh hoạt theo sự thay đổi điểm nhìn, bao trùm là giọng hóm hỉnh, hài hước pha lẫn giọng ưu ái, cảm thông. |

|  |
| --- |
| **Phiếu học tập số 1**  **VỢ NHẶT (Kim Lân)**  **Tìm hiểu về nhân vật Tràng** |
| * **Nhân vật Tràng**   + Xuất thân, lai lịch  …………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………..  + Hành động “nhặt vợ”  ………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………  + Diễn biến tâm lí của Tràng sau quyết định nhặt vợ (*khi quyết định đưa thị về; trên đường về nhà; khi về đến nhà; sáng hôm sau tỉnh dậy*)  …………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………............................. |

|  |
| --- |
| **Phiếu học tập số 2**  **VỢ NHẶT (Kim Lân)**  **Tìm hiểu về nhân vật bà cụ Tứ** |
| * **Nhân vật bà cụ Tứ**   ***+ Ngoại hình, số phận***  ………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………  ***+ Diễn biến tâm trạng của bà cụ Tứ (gặp mặt, nói chuyện và nấu bữa cơm đón nàng dâu mới)***  ………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………… |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

***a. Mục tiêu***

- HS hiểu một cách sâu sắc về điểm nhìn trần thuật trong một tác phẩm tự sự.

- HS biết cách thể hiện vấn đề bằng sự kết hợp giữa phương tiện ngôn ngữ và phương tiện phi ngôn ngữ.

***b. Nội dung hoạt động***

- HS thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của GV.

- GV hướng dẫn HS thực hiện và trình bày.

***c. Sản phẩm***: Kết quả làm việc của HS.

***d. Tổ chức thực hiện***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ***  - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân để thực hiện yêu cầu.  + Vẽ sơ đồ biểu thị điểm nhìn trong tác phẩm “Vợ nhặt” – Kim Lân.  ***Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ***  - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân thực hiện nhiệm vụ.  ***Bước 3: Báo cáo thảo luận***  - HS lên trình bày sản phẩmcủa mình qua (*Máy chiếu, tivi…*) cả lớp theo dõi, nhận xét và phản biện.  - GV lắng nghe, hỗ trợ, tư vấn.  ***Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện***  - GV nhận xét, tư vấn và bổ sung kiến thức như mục Dự kiến sản phẩm. | |  | | --- | | Điểm nhìn tác giả (ngôi thứ 3) - Khách quan, toàn tri.  Ví dụ: những miêu tả về nạn đói |  |  | | --- | | Sự dịch chuyển Điểm nhìn: người kể chuyện nương theo điểm nhìn của nhân vật: từ bên ngoài vào bên trong, từ người kể chuyện sang nhân vật.  Ví dụ:  + Tâm trạng Bà cụ Tứ( buổi chiều hôm trước) - Thấu hiểu sâu sắc, trân trọng phẩm chất con người./- Nghèo khổ, thương con, hướng tới tương lai.  + Tâm trạng, nhận thức Tràng( chiều hôm trước và sáng hôm sau) - Nghèo khổ, mệt mỏi,lo lắng trước cái đói nhưng Khao khát hạnh phúc mái ấm gia đình./- Có những ý nghĩ trưởng thành |  |  |  | | --- | --- | | Điểm nhìn không gian | - Xóm ngụ cư, cái nhà vắng teo của Tràng, cổng chợ, nhà kho, dốc tỉnh… chật hẹp, ngột ngạt.  - Con đường ngổn ngang còng queo xác người. Cái đói thành hình, thành màu, thành mùi, thành âm thanh. |  |  |  | | --- | --- | | Điểm nhìn thời gian | - Hiện tại🡪 Quá khứ 🡪 Hiện tại 🡪Tương lai. |  |  | | --- | | Điểm nhìn đa chiều, nhiều góc độ về cuộc sống và con người nghèo khổ vùng nông thôn Bắc Bộ năm 1945 | |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

***a. Mục tiêu***

- HS biết cách liên hệ thực tế để làm rõ vấn đề từ một tác phẩm văn học cụ thể.

- HS biết cách đọc tích cực từ văn bản để tự bồi đắp kinh nghiệm sống, hình thành thái độ ứng xử nhân văn trước cuộc đời.

***b. Nội dung hoạt động***

- HS biết cách vận dụng kiến thức, kĩ năng để liên hệ mở rộng.

- GV hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ và trình bày.

***c. Sản phẩm:*** Kết quả làm việc của hcọ sinh.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ***  - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân để tìm hiểu và thuyết minh về một trong các vấn đề:  +Vấn đề 1: Câu chuyện trong tác phẩm đã gợi cho anh/chị suy nghĩ gì về tình người trong hoạn nạn, khó khăn của dân tộc ta. Hãy liên hệ vấn đề với xã hội ngày nay.  + Vấn đề 2: Có thể xem truyện ngắn *Vợ nhặt* là một câu chuyện cổ tích trong nạn đói không? Nêu và phân tích quan điểm bản thân.  ***Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ***  - GV yêu cầu HS làm cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ.  ***Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  - HS lên trình bày sản phẩm của mình qua (Máy chiếu/ tivi…) cả lớp theo dõi, nhận xét và phản biện.  - GV lắng nghe, hỗ trợ, tư vấn.  ***Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện***  - GV đánh giá, bổ sung kiến thức như mục Dự kiến sản phẩm. | \* HS có thể trình bày nhiều cách khác nhau và sau đây là một số gợi ý cho vấn đề 1  - Đặt vấn đề  + Trong cuộc sống, việc gặp hoàn cảnh éo le vẫn thường xảy đến không chỉ cá nhân mà có khi cả xã hội.  + Trong sự hoạn nạn đó, ta rất cần sự chung tay giúp sức của những con người trong cộng đồng.  - Triển khai vấn đề  + Dân tộc Việt Nam luôn có tình yêu thương, đùm bọc lẫn nhau “Lá lành đùm lá rách”, “Thương người như thể thương thân”; “Đói bụng mới biết cơm ngon; Gặp cơn hoạn nạn mới biết bà con thương mình”…  + Thực tế xã hội đã chứng minh cho tư tưởng, đạo lí đó qua những chương trình “Vì người nghèo”; “Tết ấm tình người”, Cứu trợ lũ lụt… đặc biệt là qua đại dịch Covid-19…  + Tuy nhiên vẫn còn có một bộ phận thờ ơ, vô cảm trước hoạn nạn của dân tộc Đáng xấu hổ khi có những kẻ còn lợi dụng vào sự hoạn nạn, éo le đó để trục lợi (liên hệ vụ Chuyến bay giải cứu- tòa án nhân dân Hà Nội xét xử tháng 7-2023)  - Kết thúc vấn đề  + Khẳng định được tình cảm của con người trong hoạn nạn thật đáng trân trọng.  + Lên án những kẻ thờ ơ, vô cảm, thậm chí trục lợi trước nỗi đau đồng loại.  \* Gợi ý cho vấn đề 2:  - Có thể xem truyện ngắn Vợ nhặt là một câu chuyện cổ tích trong nạn đói bởi:  - Câu chuyện trong truyện ngắn “Vợ nhặt” có motip giống với truyện cổ tích, đám cưới của Tràng với thị cũng được coi là đám cưới cổ tích.  + Giữa cái cảnh đói kém, khi mà bản thân còn lo chưa xong nhưng vẫn ánh lên tình thương giữa người với người trong hoàn cảnh khốn cùng ấy. Tràng và bà cụ Tứ sẵn sàng đèo bồng thêm một người vợ nhặt, thị cũng sẵn sàng theo không Tràng về làm vợ. Khát vọng hạnh phúc gia đình lớn lao hơn những nhu cầu cuộc sống tầm thường.  + Chuyện kết thúc bằng một chi tiết “sáng” mở ra một tương lai mới cho các nhân vật (hình ảnh phá kho thóc Nhật, đoàn người đi trên đê và lá cờ đỏ sao vàng bay phấp phới). |

**4. Củng cố:**

**5. HDVN:** **\* Kết nối đọc – viết**

***a. Mục tiêu***

+ Rèn luyện cho học sinh viết một đoạn văn nghị luận (NLXH hoặc NLVH)

+ HS biết cách nhận diện về một thông điệp có ý nghĩa với bản thân được rút ra từ một truyện ngắn hiện đại.

+ HS nhận thức được bài học suộc sống mà tác giả muốn gửi gắm qua tác phẩm của mình.

***b. Nội dung***

- HS thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của GV.

- GV hướng dẫn HS thực hiện và trình bày.

***c. Sản phẩm***

+ Bài viết của học sinh.

***d. Tổ chức thực hiện***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ***  - GV yêu cầu HS làm việc, trao đổi thảo luận (tại lớp- có thể dành 10-15 phút, có thể để lập dàn ý cho bài viết., có thể nêu định hướng Về nhà HS hoàn thiện viết đoạn văn.  + Viết đoạn văn (*khoảng 150 chữ*) trình bày suy nghĩ của bạn về một thông điệp có ý nghĩa với bản thân được rút ra từ truyện ngắn *Vợ nhặt.*  ***GV lưu ý HS:***  Một tác phẩm có thể chứa đựng nhiều thông điệp và các thông điệp đó có những tác động khác nhau đến mỗi người đọc, Vì vậy cần tránh sao chép, chỉ nên nêu những điều mình thấy có ý nghĩa, thực sự gây tác động mạnh về tình cảm và nhận thức đối với bản thân.  ***Bước 2: HS nhận nhiệm vụ thực hiện***  - HS thực hiện yêu cầu theo sự hướng dẫn của GV  ***Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ***  - HS lên trình bày sản phẩm, GV cùng HS theo dõi, góp ý và bổ sung.  - Cho HS đọc đoạn văn hay trước lớp.  ***Bước 4: Đánh giá sản phẩm***  - (Đầu tiết học sau) GV cho HS đánh giá, nhận xét về đoạn văn học sinh đã viết. GV đánh giá theo yêu cầu viết đoạn văn. | ***\* HS có thể có nhiều cách trình bày khác nhau song cần lưu ý***  - HS cần nắm lại kiến thức ở phần đọc hiểu để rút ra thông điệp cuộc sống từ tác phẩm.  - Đảm bảo cấu trúc đoạn văn  - Biết cách triển khai đoạn văn  Ví dụ:  + Mở đoạn: Giới thiệu được thông điệp có ý nghĩa với bản thân được rút ra từ truyện ngắn *Vợ nhặt*  + Thân đoạn: triển khai đoạn văn logic, hợp lí; Vận dụng lí luận và dẫn chứng để làm sáng tỏ thông điệp có ý nghĩa với bản thân.  + Kết đoạn: Khẳng định được thông điệp có ý nghĩa với bản thân được rút ra từ truyện ngắn *Vợ nhặt.* |

**Đoạn văn tham khảo:**

Mọi truyện ngắn hay bao giờ cũng phản ánh chân thực cuộc sống và hướng con người tới những Chân- Thiện - Mĩ. “*Vợ nhặt*” xứng đáng là kiệt tác không chỉ vì nghệ thuật viết truyện ngắn hiện đại mà còn bởi nhà văn đã thiết tha gửi tới bạn đọc ý nghĩa nhân bản sâu sắc với người đọc bao thế hệ mà đã gần bảy thập kỷ nhưng những thông điệp cuộc sống qua hiện thực thời bấy giờ đến nay vẫn còn nguyên giá trị. Đó là tình người trong hoạn nạn khó khăn đến mức đối diện với ranh giới giữa sự sống và cái chết, là cách con người lao động càng yêu thương nhau, giữ được phẩm chất đẹp đẽ, dám cưu mang người khác trong khi *cái thân mình cũng chả biết có nuôi nổi không*. Nạn đói khủng khiếp và dữ dội năm 1945 đã hằn in trong tâm trí Kim Lân - một nhà văn hiện thực có thể xem là con đẻ của đồng ruộng, một con người một lòng đi về với “thuần hậu phong thủy” ấy nên sau Cách mạng, ông đã bắt tay ngay vào viết tác phẩm *Xóm ngụ cư* và khi hòa bình lập lại (1954), nỗi trăn trở tiếp tục thôi thúc ông viết tiếp thiên chuyện ấy song ở một lát cắt cô đọng của truyện ngắn. Cuộc sống đói khổ khắc nghiệt đã đọa đày, nhưng không thể dập tắt được phần NGƯỜI tìm thấy: là khao khát sống, khao khát hạnh phúc cùng niềm tin mãnh liệt vào sự sống trong niềm vui của sự nương tựa, cưu mang. Tình vợ chồng, mẹ con, tình người của những người dân trong xóm ngụ cư sẽ là động lực giúp họ sức mạnh vượt qua những cơn hoạn nạn khủng khiếp. Ba nhân vật: Tràng, người vợ nhặt và bà cụ Tứ cùng những tình cảm, lẽ sống cao đẹp của họ chính là những điểm sáng mà nhà văn luôn *một lòng đi về với đất với người với những thuần hậu nguyên thủy của cuộc sống nông thôn* trân trọng phát hiện trong một đề tài không mới nhưng thật độc đáo trong cách nhìn. Như vậy bên cạnh thể hiện thành công nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật, khả năng tạo tình huống hấp dẫn thì tác phẩm còn có đa tầng ý nghĩa, nhiều thông điệp cuộc sống. Một trong những thông điệp để lại cho chúng ta có ý nghĩa giáo dục đối với tâm hồn người, với cộng đồng là tình người trong hoạn nạn và nghị lực vượt lên nghịch cảnh để có được cuộc sống *sống cho ra con người* như một bài ca không bao giờ quên từ một thời kì lịch sử không bao giờ quên.

***Rubric chấm bài viết viết KẾT NỐI ĐỌC – VIẾT:***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TIÊU CHÍ** | **CẦN CỐ GẮNG**  **(0 – 4 điểm)** | **ĐÃ LÀM TỐT**  **(5 – 7 điểm)** | **RẤT XUẤT SẮC**  **(8 – 10 điểm)** |
| **Hình thức**  **(3 điểm)** | **1 điểm**  Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả  Sai lỗi chính tả  Sai kết cấu đoạn | **2 điểm**  Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu  Trình bày cẩn thận  Chuẩn kết câu đoạn  Không có lỗi chính tả | **3 điểm**  Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu  Trình bày cẩn thận Chuẩn kết câu đoạn  Không có lỗi chính tả  Có sự sáng tạo |
| **Nội dung**  **(7 điểm)** | **1 – 4 điểm**  Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện | **5 – 6 điểm**  Nội dung đúng, đủ và trọng tâm  Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao | **7 điểm**  Nội dung đúng, đủ và trọng tâm  Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo |
| **Điểm** |  |  |  |
| **TỔNG** |  | | |

Ngày soạn:

**BÀI 1: CÂU CHUYỆN VÀ ĐIỂM NHÌN TRONG TRUYỆN KỂ**

**Tiết 4-5-6:**

**VĂN BẢN 2: CHÍ PHÈO**

**(trích) – Nam Cao**

**(3 tiết)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

- HS nhận biết được bản chất bi kịch của cuộc đời nhân vật Chí Phèo.

- HS nhận biết được giá trị hiện thực và giá trị nhân đạo của tác phẩm.

- HS nhận biết và phân tích được những điểm đặc sắc trong nghệ thuật tự sự của nhà văn, thể hiện qua việc thay đổi trình tự tự nhiên của câu chuyện; luân phiên, phối hợp các điểm nhìn; lựa chọn các chi tiết độc đáo; đi sâu khám phá đời sống tâm lí của nhân vật; sử dụng ngôn ngữ trần thuật đa thanh và kết thúc bỏ ngỏ.

- HS nhận biết được và phân tích được một số yếu tố nổi bật của truyện ngắn hiện đại qua đọc tác phẩm.

**2. Về năng lực:**

- Phát huy năng lực tự chủ, hợp tác và giao tiếp để giải quyết những vấn đề của nhiệm vụ học tập. Cụ thể:

+ Tóm tắt truyện theo trình tự thời gian cuộc đời nhân vật.

+ Xác định điểm nhìn trần thuật trong đoạn mở đầu.

+ Phân tích diễn biến tâm trạng nhân vật Chí Phèo.

+ Nêu thái độ của người kể chuyện đối với nhân vật Chí Phèo, thị Nở.

+ Nhận xét về ý nghĩa phần kết truyện.

- Viết được đoạn văn theo yêu cầu kết nối đọc –viết trong bài học.

**3. Về phẩm chất:**

HS biết đồng cảm với một số phận bất hạnh; trân trọng các nỗ lực gìn giữ nhân tính, phẩm giá khi con người phải đối diện với hoàn cánh sống bi đát.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:** Máy chiếu/Tivi, giấy A0, A4,…

**2. Học liệu:** SGK, phiếu học tập, giấy kiểm tra…

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Tổ chức**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Tiết** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **Vắng** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**2. Kiếm tra bài cũ:** kết hợp trong giờ học

**3. Bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng khởi để tiến hành hoạt động hình thành kiến thức và luyện tập, vận dụng.

**b.** **Nội dung:**

**-** Học sinh xem video phim *“Làng Vũ Đại ngày ấy”* và trả lời câu hỏi của GV:

**Câu hỏi 1:** *Đoạn phim mang đến cho em cảm nhận gì về cuộc sống của người nông dân ở làng quê trước Cách mạng tháng Tám?*

**Câu hỏi 2:** *Có thể em đã từng nghe thấy người ta gọi tính cách hay cách ứng xử của một ai đó là “Chí Phèo”. Cách gọi ấy đã hàm ẩn sự đánh giá như thế nào đối với tính cách hay cách ứng xử này?*

- GV nhận xét câu trả lời của HS và dẫn dắt vào bài.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **B1. Giáo viên chuyển giao nhiệm vụ**  GV lần lượt nêu các câu hỏi:  **Câu hỏi 1:** *Đoạn phim mang đến cho em cảm nhận gì về cuộc sống của người nông dân ở làng quê trước Cách mạng tháng Tám?*  **Câu hỏi 2:** *Có thể em đã từng nghe thấy người ta gọi tính cách hay cách ứng xử của một ai đó là “Chí Phèo”. Cách gọi ấy đã hàm ẩn sự đánh giá như thế nào đối với tính cách hay cách ứng xử này?*  **B2. HS thực hiện nhiệm vụ.**  HS làm việc cá nhân, suy nghĩ và trả lời câu hỏi  **B3. HS báo cáo, thảo luận.**  HS trình bày câu trả lời theo chỉ định của GV  **B4. GV đánh giá kết quả thực hiện:**  - GV nhận xét tác phong, thái độ làm việc của HS  - GV chuẩn hóa kiến thức và dẫn dắt, giới thiệu vào bài mới:  *Bối cảnh xã hội trước Cách mạng đã khiến bao người nông dân rơi vào số phận bi kịch. Bi kịch ấy có thể bắt nguồn từ sự áp bức những tên quan nghị như trong “Tắt đèn” (Ngô Tất Tố) nhưng cũng có thể bắt nguồn từ những định kiến lạc hậu như trong “Chí Phèo” của Nam Cao. Sự thành công xuất sắc của truyện ngắn “Chí Phèo” đã khiến tác phẩm vượt qua được thử thách của thời gian. Cũng nhờ có ngòi bút tài hoa của nhà văn Chí Phèo đã ngật ngưỡng bước từ trang văn đến cuộc đời.Bài học hôm nay chúng cùng khám phá sự đặc sắc trong nghệ thuật tự sự của Nam Cao và tìm hiểu bản chất bi kịch của nhân vật Chí Phèo trong truyện ngắn cùng tên.* | Hướng trả lời các câu hỏi:  **Câu hỏi 1:**  Đoạn phim tái hiện chân thực cuộc sống của những người nông dân ở làng quê trước Cách mạng tháng Tám. Họ sống trong sự bóc lột, đè nén của chế độ TDPK và những định kiến của xã hội. Điều đó đã khiến họ rơi vào vòng xoáy của sự tha hóa, cuộc sống của họ bị đẩy vào ngõ cụt.  **Câu hỏi 2:**  Cách gọi tính cách hay cách ứng xử của một ai đó là “Chí Phèo” hàm ý phê phán. Cách ứng xử “Chí Phèo” là cách ứng xử có tính lưu manh, ăn vạ. Tuy đây là một cách gọi có tính phê phán song nó đã minh chứng cho sức sống của nhân vật được sáng tạo bởi Nam Cao. |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Nội dung 1: TÌM HIỂU KHÁI QUÁT**

**a. Mục tiêu:**

- HS nắm được những nét chính về cuộc đời, các chặng đường sáng tác, những mảng đề tài chính của các sáng tác trước và sau Cách mạng.

- Nắm được những đóng góp nghệ thuật nổi bật qua các sáng tác của Nam Cao - điều đã giúp khẳng định vị trí của ông trong nền văn học.

- Nắm được các tác phẩm tiêu biểu của Nam Cao và hoàn cảnh ra đời, xuất xứ của tác phẩm *Chí Phèo*

**b. Nội dung:**

- Học sinh thuyết trình về tác giả Nam Cao

- GV nhận xét phần thuyết trình và chuẩn hóa kiến thức

**c. Sản phẩm:**

- Bài thuyết trình về Nam Cao của HS (có thể trình bày trên Power Point hoặc A0)

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **B1. GV chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chia lớp thành 4 nhóm. Giao nhiệm vụ cho HS chuẩn bị ở nhà  **Nhóm 1,3. Tìm hiểu về tác giả**  **Nhóm 2,4. Tìm hiểu về tác phẩm**  -*Dựa vào kiến thức sgk và các tài liệu khác, hãy nêu những nét chính về tiểu sử và sự nghiệp sáng tác của Nam Cao?*  *- Quê hương, gia đình và cuộc đời của NC có ảnh hưởng gì đến sự nghiệp sáng tác của ông?*  ***Gợi ý:*** *Cần làm rõ:*  *- Những nét chính về cuộc đời, sự nghiệp văn chương, những mảng đề tài chính của các sáng tác trước và sau Cách mạng.*  *- Những đặc sắc trong các sáng tác của Nam Cao - điều đã giúp Nam Cao khẳng định vị trí của mình trong nền văn học.*  **B2. HS thực hiện nhiệm vụ.** HS làm việc nhóm ở nhà  **B3. HS báo cáo, thảo luận.**  HS trình bày sản phẩm hoạt động nhóm  Các nhóm trao đổi thảo luận  **B4. GV đánh giá kết quả thực hiện:**  - GV nhận xét tác phong, thái độ làm việc của HS, đánh giá theo **Rubric**.  - GV chuẩn hóa kiến thức.  *Nam Cao là nhà văn gắn bó sâu sắc với cuộc sống và Cách mạng. Nhà văn có ý thức lao động nghệ thuật nghiêm túc nhờ vậy khẳng định được vị trí của mình trên văn đàn.*  - GV mở rộng về quan niệm nghệ thuật của Nam Cao:  - Nam Cao quan niệm một tác phẩm hay, có giá trị phải có tư tưởng nhân đạo. *“Một tác phẩm thật có giá trị, phải vượt lên bên trên tất cả các bờ cõi và giới hạn, phải là một tác phẩm chung cho cả loài người. Nó phải chứa đựng được một cái gì lớn lao, mạnh mẽ, vừa đau đớn lại vừa phấn khởi. Nó ca tụng lòng thương, tình bác ái, sự công bình…Nó làm cho người gần người hơn”* (Đời thừa).  - Nam Cao đòi hỏi sự tìm tòi sáng tạo trong nghề văn. Trong *Đời thừa,* ông viết *“Văn chương không cần đến những người thợ khéo tay, làm theo một vài kiểu mẫu đưa cho. Văn chương chỉ dung nạp những người biết đào sâu, biết tìm tòi, khơi những nguồn chưa ai khơi và sáng tạo những cái gì chưa có”.* | **I. TÌM HIỂU KHÁI QUÁT**  **1. Tác giả**  **a. Tiểu sử**  - Nam Cao (1917 - 1951) tên khai sinh là Trần Hữu Tri.  - Quê: làng Đại Hoàng, tổng Cao Đà, huyện Nam Sang, phủ Lí Nhân (nay là xã Hòa Hậu, huyện Lí Nhân), tỉnh Hà Nam -> Nguyên mẫu trong nhiều sáng tác của Nam Cao với cái tên: làng Vũ Đại.  - Xuất thân trong một gia đình nông dân nghèo-> là người con duy nhất trong gia đình được ăn học tử tế.  - Bản thân: Trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 ông từng làm nhiều nghề để kiếm sống: dạy trường tư, làm gia sư, viết văn…Sau Cách mạng, nhà văn tích cực tham gia các hoạt động báo chí, văn nghệ phục vụ cuộc sống mới.  **b. Sự nghiệp văn học**  **\* Đề tài sáng tác:**  - Trước CM, tập trung ở hai đề tài chính: Người trí thức nghèo và người nông dân nghèo.  - Sau Cách mạng, nhà văn hướng ngòi bút phục vụ cuộc kháng chiến.  **\*Đặc sắc trong các sáng tác:**  - Quan điểm sáng tác: nghệ thuật vị nhân sinh  - Phong cách nghệ thuật:  + Nhà văn chú trọng diễn tả, phân tích tâm lí nhân vật, xây dựng các tính cách phức tạp, thực hiện nhiều đột phá trong nghệ thuật tự sự với lối trần thuật phối hợp nhiều điểm nhìn, giọng điệu;  + Cách kết cấu linh hoạt;  + Cách sử dụng ngôn ngữ sinh động, vừa gần gũi với ngôn ngữ giao tiếp đời thường, vừa giàu suy tưởng.  **\*Tác phẩm tiêu biểu:**  *Chí Phèo* (truyện ngắn, 1941), *Giăng sáng* (truyện ngắn, 1942), *Lão Hạc* (truyện ngắn, 1943), *Đời thừa* (truyện ngắn, 1943), *Sống mòn* (tiểu thuyết, 1944), *Đôi mắt* (truyện ngắn, 1948), *Ở rừng* (Nhật ký, 1947 - 1948)…   * Nam Cao là nhà văn hiện thực chủ nghĩa, có tấm lòng nhân đạo sâu sắc. Có ý thức lao động nghệ thuật nghiêm túc nhờ vậy khẳng định được vị trí của mình trên văn đàn. |
| **B1. GV chuyển giao nhiệm vụ**  *Em hãy cho biết truyện ngắn “Chí Phèo” ra đời năm nào? Đã có mấy lần đổi tên? Theo em, cái tên nào phù hợp nhất với tư tưởng chủ đề của truyện?*  **B2. HS thực hiện nhiệm vụ.** HS làm việc cá nhân, suy nghĩ và trả lời câu hỏi  **B3. HS báo cáo, thảo luận.** HS trình bày câu trả lời theo chỉ định của GV  **B4. GV đánh giá kết quả thực hiện:**  - GV nhận xét tác phong, thái độ làm việc của HS  - GV chuẩn hóa kiến thức.  *Chí Phèo là kiệt tác trong sự nghiệp sáng tác của Nam Cao và là tác phẩm xuất sắc nhất của văn học hiện thực phê phán trước 1945. Tác phẩm thể hiện tài năng nghệ thuật độc đáo của Nam Cao, đánh dấu trình độ phát triển mới của ngôn ngữ văn học và nghệ thuật văn xuôi hiện đại Việt Nam.* | **2. Văn bản**  **a. Hoàn cảnh sáng tác**  - Truyện ngắn sáng tác năm 1941. Tác giả viết dựa trên cơ sở người thật, việc thật ở làng Đại Hoàng- quê hương của nhà văn. Nam Cao đã hư cấu, sáng tạo nên câu chuyện về cuộc đời Chí Phèo. Qua đó, phản ánh bức tranh hiện thực sinh động về xã hội nông thôn VN trước CMT8/1945. Cuộc sống của con người trong xh cũ vô cùng khốn khổ, ngột ngạt tối tăm với nhiều sự áp bức, bóc lột, những bi kịch đau đớn. Điều đó đã được nhà văn thể hiện một cách tài hoa trong tác phẩm Chí Phèo.  **b. Nhan đề**  **-** Lúc đầu: Nam Cao đặt tên “Cái lò gạch cũ”.  - Năm 1941, NXB Đời mới đổi tên thành “Đôi lứa xứng đôi”  - Năm 1945, khi in lại trong tập “Luống cày”, Nam Cao đặt tên là “Chí Phèo”.  => Nhan đề “Chí Phèo” phù hợp nhất với tư tưởng chủ đề của truyện. Chí Phèo là tên nhân vật chính của truyện ngắn. Qua nhân vật này, nhà văn muốn khẳng định bản chất lương thiện đẹp đẽ của người nông dân đồng thời là tiếng nói đấu tranh chống lại các thế lực chà đạp lên nhân cách, phẩm giá và quyền sống của người nông dân lương thiện. |

**Nội dung 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- HS nhận biết được bản chất bi kịch của cuộc đời nhân vật Chí Phèo.

- Nhận biết được giá trị hiện thực và giá trị nhân đạo của tác phẩm.

- Nhận biết và phân tích được những điểm đặc sắc trong nghệ thuật tự sự của nhà văn, thể hiện qua việc thay đổi trình tự tự nhiên của câu chuyện; luân phiên, phối hợp các điểm nhìn; lựa chọn các chi tiết độc đáo; đi sâu khám phá đời sống tâm lí của nhân vật; sử dụng ngôn ngữ trần thuật đa thanh và kết thúc bỏ ngỏ.

- Nhận biết được và phân tích được một số yếu tố nổi bật của truyện ngắn hiện đại qua đọc.

**b. Nội dung:**

**-** Hoc sinh tiến hành khám phá văn bản thông qua hoạt động cá nhân và hoạt động nhóm.

**-** GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh và chuẩn hóa kiến thức.

**c. Sản phẩm:**

- Câu trả lời và các phiếu nhóm của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **B1. GV chuyển giao nhiệm vụ**  *HS đọc, xác định bố cục của văn bản và tóm tắt nội dung từng đoạn bằng một câu khái quát?*  **B2. HS thực hiện nhiệm vụ.** HS làm việc cá nhân, suy nghĩ và trả lời câu hỏi  **B3. HS báo cáo, thảo luận.**  HS trình bày câu trả lời theo chỉ định của GV  **B4. GV đánh giá kết quả thực hiện:**  - GV nhận xét phần trả lời của HS  - GV chuẩn hóa kiến thức. | **II. KHÁM PHÁ VĂN BẢN**  **1. Đọc và xác định bố cục**  - Bố cục 4 phần:  + Đoạn 1 (Từ đầu đến hết phần tóm tắt đoạn tỉnh lược thứ nhất): *Tiếng chửi của Chí Phèo và sự hé lộ lai lịch đặc biệt về nhân vật*  + Đoạn 2 (Từ tiếp đến phần tóm tắt đoạn tỉnh lược thứ hai): *Hành xử của Chí Phèo sau khi ra tù và quá trình Chí Phèo trở thành công cụ trong tay Bá Kiến*  + Đoạn 3: (Tiếp đến “máu vẫn còn ứ ra”): *Sự thức tỉnh của Chí Phèo sau khi gặp Thị Nở và hành động đòi lương thiện.*  + Đoạn 4 (Còn lại): *Phản ứng của mọi người về cái chết của Chí Phèo* |
| **B1. GV chuyển giao nhiệm vụ**  GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu các nhóm thảo luận:  ***- Nhóm 1****: Hãy tóm tắt cốt truyện theo trình tự thời gian cuộc đời nhân vật Chí Phèo*  ***- Nhóm 2:*** *Hãy xác định trình tự các sự việc trong cuộc đời Chí Phèo theo mạch trần thuật (trình tự kể của Nam Cao)*  ***- Nhóm 3:*** *So sánh sự khác biệt về mạch sự kiện của câu chuyện và trình tự kể trong TP?*  ***- Nhóm 4:*** *Lí giải vì sao nhà văn lại lựa chọn trật tự kể như vậy?*  - HS có thể sử dụng giấy A0 để sơ đồ hóa cốt truyện và nhận xét về cuộc đời của Chí Phèo  **B2. HS thực hiện nhiệm vụ.**  HS làm việc nhóm ở lớp  **B3. HS báo cáo, thảo luận.** HS trình bày sản phẩm hoạt động nhóm theo chỉ định của Giáo viên.  **B4. GV đánh giá kết quả thực hiện:**  - GV nhận xét tác phong, thái độ làm việc nhóm, đánh giá theo **Rubric**.  - GV chuẩn hóa kiến thức:  + *GV nêu trình tự của các sự việc trong cuộc đời Chí và lưu ý HS nên chọn các sự việc có ý nghĩa quan trọng, tác động đến tính cách, số phận nhân vật.*  + GV mở rộng:  *Sự phá vỡ trình tự thời gian của các sự việc trong cuộc đời nhân vật là một đặc điểm độc đáo trong truyện ngắn hiện đại bởi các truyện ngắn dân gian, trung đại luôn có sự tuân thủ trình tự thời gian này. Sự phá vỡ trình tự thời gian của các sự việc trong cuộc đời nhân vật cho thấy các nhà văn hiện đại không chỉ quan tâm đến câu chuyện mà còn quan tâm đến cách câu chuyện ấy được kể.* | **2. Cốt truyện và mạch trần thuật**  **-** Tóm tắt cốt truyện theo trình tự thời gian cuộc đời của Chí Phèo:  (1) Chí Phèo được sinh ra và bị bỏ rơi ngay từ khi chào đời ở lò gạch hoang.  (2) Chí Phèo lớn lên, đi ở đợ cho nhà Lí Kiến rồi bị đi tù vì một lí do không rõ.  (3) Khi ra tù, Chí Phèo đã thay đổi về nhân hình lẫn nhân tính, biến thành kẻ lưu manh.  (4) Chí Phèo đến nhà Bá Kiến đòi nợ, với sự không ngoan và thủ đoạn Bá Kiến đã biến Chí Phèo thành tay sai đắc lực cho hắn. Chí Phèo trở thành con quỷ dữ của làng Vũ Đại, trượt dài trên con đường tha hoá.  (5) Chí Phèo gặp Thị Nở. Nhờ tình thương của Thị Nở, Chí Phèo khao khát được trở lại làm người lương thiện.  (6) Bị Thị Nở cự tuyệt, Chí Phèo tuyệt vọng, đến nhà bá Kiến để đòi lương thiện. Hắn giết chết bá Kiến rồi tự sát.  - Tóm tắt các sự việc trong cuộc đời Chí Phèo theo mạch kể (trình tự kể của Nam Cao):  (4) Chí Phèo trở thành con quỷ dữ của làng Vũ Đại, trượt dài trên con đường tha hoá.  (1) Chí Phèo được sinh ra và bị bỏ rơi ngay từ khi chào đời ở lò gạch hoang.  (2) Chí Phèo lớn lên ở làng Vũ Đại, đi ở đợ cho nhà Lí Kiến rồi bị đi tù vì một lí do không rõ.  (3) Khi ra tù, Chí Phèo đã thay đổi về nhân hình lẫn nhân tính, biến thành kẻ lưu manh.  (5) Chí Phèo gặp Thị Nở. Nhờ tình thương của Thị Nở, Chí Phèo khao khát được trở lại làm người lương thiện.  (6) Bị Thị Nở cự tuyệt tình cảm, Chí Phèo tuyệt vọng, đến nhà bá Kiến để đòi lương thiện. Hắn giết chết bá Kiến rồi tự sát.  **- So sánh sự khác biệt về mạch sự kiện của câu chuyện và truyện kể trong tác phẩm Chí Phèo**:  **Mạch kể: Hiện tại – Quá khứ - Hiện tại**  Mạch trần thuật bắt đầu từ khi Chí Phèo trượt dài trên con đường tha hoá, sau đó quay trở lại sự kiện CP được sinh ra như thế nào, rồi một lần nữa trở lại thực tại.   * Sự phá vỡ trật tự thời gian của các sự kiện trong cuộc đời của nhân vật nhằm khơi gợi sự tò mò về quá khứ và bản chất của nhân vật, đồng thời khắc đậm chân dung méo mó cùng bi kịch của Chí Phèo. Mặt khác, cách đảo trật tự các sự việc trong cuộc đời nhân vật còn thể hiện quan điểm trong tư duy tự sự của nhà văn: phân tích, lí giải những yếu tố đã nhào nặn số phận con người.   **-Sở dĩ nhà văn lại lựa chọn trật tự kể như vậy, Vì:**  Nhờ việc xử lí cái cốt truyện tự nhiên ấy, NC đã cho chúng ta thấy được cái hành trình đi tìm lại chính mình, hành trình tìm kiếm giá trị bản thân ngay ở một con người tưởng như không có gì có thể nương tựa, hy vọng. |
| **B1. GV chuyển giao nhiệm vụ**  *GV nêu câu hỏi thảo luận nhóm, sử dụng* ***kỹ thuật khăn trải bàn****.*  *- Hãy phân loại điểm nhìn trong đoạn mở đầu theo các bình diện: điểm nhìn của người kể chuyện/ điểm nhìn của nhân vật (Chí Phèo, dân làng Vũ Đại); điểm nhìn bên ngoài/ điểm nhìn bên trong. Nhận xét về tương quan và sự dịch chuyển giữa các điểm nhìn này, qua đó, chỉ ra những nét đặc sắc trong cách Nam Cao mở đầu câu chuyện.*  **B2. HS thực hiện nhiệm vụ.**  HS làm việc nhóm, suy nghĩ và trả lời câu hỏi  **B3. HS báo cáo, thảo luận.**  HS trình bày câu trả lời theo chỉ định của GV  Và thảo luận  **B4. GV đánh giá kết quả thực hiện:**  - GV nhận xét tác phong, thái độ làm việc của HS. Đánh giá bằng **Rubric**  - GV nêu sản phẩm dự kiến, chuẩn hóa kiến thức.  - GV mở rộng về tiếng chửi của Chí:  *Bi kịch bị cự tuyệt quyền làm người được hé lộ ngay trong thứ ngôn ngữ nửa trực tiếp ở đoạn mở đầu tác phẩm khi Nam Cao miêu tả hình ảnh Chí Phèo uống rượu say rồi vừa đi vừa chửi. Hắn chửi trời, hắn chửi đời, hắn chửi cả làng Vũ Đại nhưng tuyệt nhiên không ai lên tiếng, chẳng ai ra điều. Chí Phèo chửi tất cả nhưng chẳng trúng vào ai bởi cái làng đó có biết bao nhiêu người mà người nào cũng nghĩ “chắc nó trừ mình ra”. Tiếng chửi của Chí trên bề mặt là tiếng chửi của một kẻ lưu manh, nhưng bề sâu đó lại là tiếng nói của một người nông dân lương thiện thèm khát sự giao tiếp với đồng loại. Tiếng chửi là sự hòa quyện giữa hai phần của Chí Phèo. Phần ý thức của kẻ lưu manh say xỉn chửi bới ngang ngược và phần vô thức của người lương thiện tỉnh táo cô đơn. Trong vô thức, Chí Phèo nhận ra hắn đau khổ, cay đắng. Hắn tự nhủ “thế thì có phí rượu không? Thế thì có khổ hắn không?” Lời tự nhủ của Chí Phèo cho thấy hình như Chí Phèo đã mơ hồ cảm nhận được nỗi đau của một kẻ lạc loài. Hắn uống rượu không hoàn toàn vì nghiện, mà hắn tìm đến rượu như tìm đến sự say để được sự quên để rồi được gây sự, được phá phách như một cách để giải tỏa sự phẫn uất âm ỉ ẩn giấu đâu đó trong cõi vô thức mông lung của cõi lòng.* | **3. Nghệ thuật kể chuyện qua nhiều điểm nhìn**  **a. Đoạn mở đầu truyện**  **-** Đoạn mở đầu *Chí Phèo* có sự phối hợp và luân phiên nhiều điểm nhìn: điển nhìn của người kể chuyện, điểm nhìn của dân làng Vũ Đại và điểm nhìn của Chí Phèo:  + *Hắn vừa đi vừa chửi:* Sự việc được miêu tả từ điểm nhìn của người kể chuyện cũng đồng thời là điểm nhìn bên ngoài.  + *Bao giờ cũng thế, cứ rượu xong là hắn chửi. Bắt đầu hắn chửi trời. Có hề gì? Trời có của riêng nhà nào? Rồi hắn chửi đời*: *Thế cũng chẳng sao: đời là tất cả nhưng chẳng là ai. Tức mình, hắn chửi ngay tất cả làng Vũ Đại:* Sự việc được miêu tả từ điểm nhìn của người kể chuyện cũng đồng thời là điểm nhìn bên ngoài.  + *Nhưng làng Vũ Đại ai cũng tự nhủ: “chắc nó trừ mình ra”*: Điểm nhìn dân làng Vũ Đại, điểm nhìn bên trong.  + *Không ai lên tiếng cả:* Sự việc được miêu tả từ điểm nhìn của người kể chuyện, điểm nhìn bên ngoài.  + *Tức thật! Tức thật! Ồ! Thế này thì tức thật! Tức chết đi được mất*: Điểm nhìn Chí Phèo, điểm nhìn bên trong  + *Đã thế, hắn phải chửi cha đứa nào không chửi nhau với hắn. Nhưng cũng không ai ra điều*: Sự việc được miêu tả từ điểm nhìn của người kể chuyện cũng đồng thời là điểm nhìn bên ngoài.  + *Mẹ kiếp! Thế thì có phí rượu không?* Điểm nhìn Chí Phèo, điểm nhìn bên trong  + *Thế thì có khổ hắn không? Không biết đứa chết mẹ nào lại đẻ ra thân hắn cho hắn khổ đến nông nỗi này? A ha! Phải đấy, hắn cứ thế mà chửi, hắn chửi đứa chết mẹ nào đẻ ra thân hắn, đẻ ra cái thằng Chí Phèo! Hắn nghiến răng vào mà chửi cái đứa đã đẻ ra Chí Phèo. Nhưng mà chẳng biết đứa nào đã đẻ ra Chí Phèo. Có trời mà biết! Hắn không biết, cả làng Vũ Đại cũng không ai biết*:Sự việc được miêu tả từ điểm nhìn của người kể chuyện cũng đồng thời là điểm nhìn bên ngoài.  - Đoạn mở đầu không có một điểm nhìn duy nhất bao trùm. Người kể chuyện không đứng hẳn về ý thức của nhân vật nào, và điểm nhìn của người kể chuyện cũng không phải là quan điểm thống trị. Người kể chuyện trên thực tế cũng không biết gì hơn về Chí Phèo so với dân làng Vũ Đại. Sự đa dạng về điểm nhìn tạo nên tính đa thanh trong nghệ thuật tự sự hiện đại. |
| **B1. GV chuyển giao nhiệm vụ**  GV nêu câu hỏi:  *Nhận xét về điểm nhìn và giọng điệu trần thuật ở đoạn kết của truyện ngắn khi Chí Phèo tìm đến nhà bá Kiến lần cuối và phản ứng của dân làng Vũ Đại về cái chết của hai nhân vật này?*  **B2. HS thực hiện nhiệm vụ.**  HS làm việc cá nhân, suy nghĩ và trả lời câu hỏi  **B3. HS báo cáo, thảo luận.**  HS trình bày câu trả lời theo chỉ định của GV  **B4. GV đánh giá kết quả thực hiện:**  - GV nhận xét tác phong, thái độ làm việc của HS  - GV chuẩn hóa kiến thức. | **b. Đoạn kết truyện**  **-** Điểm nhìn của người kể chuyện chủ yếu là điểm nhìn bên ngoài. Điều này tạo cho người đọc một khoảng tự do suy nghĩ về cái chết của Chí Phèo.  - Người kể chuyện sử dụng giọng khách quan, lạnh lùng, hạn chế tối đa việc đưa ra những bình phẩm, đánh giá về cái chết của nhân vật cũng như tỏ thái độ đối với những ý kiến của dân làng Vũ Đại về cái chết của Chí Phèo.  **\* Kết luận:**  Điểm nhìn được nhà văn sử dụng linh hoạt, phù hợp với nội dung trần thuật. Sự đa dạng của điểm nhìn tạo nên sức hấp dẫn cho người đọc và là điểm độc đáo của nghệ thuật tự sự hiện đại. |
| **B1. GV chuyển giao nhiệm vụ**  - GV nêu câu hỏi **thảo luận nhóm đôi**. HS trình bày sản phẩm ra giấy A4:  *Phân tích diễn biến tâm trạng của Chí Phèo vào buổi sáng sau cuộc gặp gỡ với thị Nở đêm trước. Theo em, nhân tố nào mang tính quyết định đối với quá trình hồi sinh nhân tính của nhân vật? Vì sao?*  **B2. HS thực hiện nhiệm vụ.** HS làm việc nhóm, suy nghĩ và trả lời câu hỏi  **B3. HS báo cáo, thảo luận.** HS trình bày câu trả lời theo chỉ định của GV  **B4. GV đánh giá kết quả thực hiện:**  - GV nhận xét tác phong, thái độ làm việc của HS.  - GV chuẩn hóa kiến thức.  GV mở rộng:  *Tâm trạng của Chí Phèo khi tỉnh dậy vào buổi sáng sau đêm gặp gỡ Thị Nở là một chuỗi cảm xúc phức tạp. Đó là quá trình thức tỉnh của giác quan, cảm xúc, hoài niệm và ý thức. Nam Cao tỏ ra am tường về tâm lí con người khi miêu tả sự thức tỉnh của thể xác vốn đã lâu chìm trong men say diễn ra đồng thời với sự trở về của con người lương thiện vốn khuất lấp.* | **4. Nhân vật Chí Phèo và bi kịch bị cự tuyệt quyền làm người lương thiện**  **a. Con người lương thiện hồi sinh**  **-** Tỉnh dậy, Chí cảm nhận được không gian xung quanh qua ánh sáng và âm thanh: *“trời sáng đã lâu”, “chim hót ríu rít bên ngoài”, “cái lều ẩm thấp vẫn hơi lờ mờ”, “tiếng anh thuyền chài gõ mái chèo đuổi cá”, “tiếng cười nói của những người đi chợ”.*  - Chí có những cảm xúc, cảm giác của một người tỉnh rượu: *“bâng khuâng”, “miệng đắng”, “lòng mơ hồ buồn”, “người bủn rủn, chân tay không buồn nhấc”, “rùng mình”, “ruột gan lại nôn nao”.*  *­*- Chí hoài nhớ về quá khứ và buồn nao nao: *“nao nao buồn”, “nhắc cho hắn một cái gì rất xa xôi”, “hình như có một thời hắn đã ao ước có một gia đình nho nhỏ”.*  **-** Chí ý thức về thực tại và cảm thấy cô đơn, buồn bã, xót xa: *“già mà vẫn cô độc”, “buồn thay cho đời”,*  - Chí nghĩ về tương lai và lo lắng: *“như đã trông thấy trước tuổi già của hắn”, “cô độc đáng sợ hơn đói rét và ốm đau”.*  *­*=> **Nhận xét, đánh giá:** Tâm trạng của Chí Phèo vận động từ cảm giác đến ý thức. Nhân tính của hắn hồi sinh bắt đầu từ việc nhận ra vẻ đẹp của cuộc sống bình yên và thấy được sự vô nghĩa của đời mình. -> Chí khao khát được trở về cõi người lương thiện. |
| **B1. GV chuyển giao nhiệm vụ**  - GV nêu câu hỏi. HS trình bày sản phẩm ra giấy A4:  *Phân tích phản ứng tâm lý và hành động của Chí Phèo sau khi bị Thị Nở từ chối chung sống. Người kể chuyện có đưa ra những phán đoán đáng tin cậy để người đọc hiểu được tâm lý và hành động của nhân vật không?*  **B2. HS thực hiện nhiệm vụ.** HS làm việc cá nhân, suy nghĩ và trả lời câu hỏi  **B3. HS báo cáo, thảo luận.** HS trình bày câu trả lời theo chỉ định của GV  **B4. GV đánh giá kết quả thực hiện:**  **-** GV nhấn mạnh:  *Về điều đã chi phối hành động của Chí Phèo, không thể chỉ dựa vào lời bình luận của người kể chuyện: “Những thằng điên và những thằng say rượu không bao giờ làm những cái mà lúc ra đi chúng định làm”.* | **b. Con người lương thiện bị chối từ**  **-** Diễn biến tâm trạng và hành động của Chí:  + Khi thị đến, Chí Phèo đang uống rượu và không hiểu tại sao thị Nở nổi giận với mình  + Khi hiểu chuyện, Chí Phèo *“bỗng nhiên ngẩn người”*  + Níu kéo thị Nở không được, Chí Phèo muốn uống rượu thật say để có động lực trả thù bà cô thị Nở nhưng càng uống càng không say, càng uống càng thấy hương cháo hành ám ảnh.  + Chí Phèo định sang nhà bà cô Thị Nở trả thù nhưng thực tế lại đến nhà Bá Kiến.  - Người kể chuyện không giải thích điều gì chi phối hành vi của Chí Phèo. Người kể chuyện dường như đơn thuần ghi chép lại về hành động của Chí khiến câu chuyện trở nên chân thực.  => **Nhận xét đánh giá:** Chính sự từ chối của bà cô thi Nở mà sâu xa hơn là sự chối từ của định kiến xã hội đã đẩy Chí Phèo vào bi kịch bị từ chối quyền làm người lương thiện. |
| **B1. GV chuyển giao nhiệm vụ**  GV nêu câu hỏi:  **Câu hỏi 1:** *Theo em, điều gì đã khiến Chí tự kết liễu cuộc đời mình? Liệu có con đường nào cứu thoát Chí không?*  **Câu hỏi 2:** *Ý nghĩa cái chết của Chí Phèo? Có thể nói Nam Cao là nhà văn nhân đạo không khi ông để nhân vật của mình tìm đến cái chết?*  **B2. HS thực hiện nhiệm vụ.** HS làm việc cá nhân, suy nghĩ và trả lời câu hỏi  **B3. HS báo cáo, thảo luận.** HS trình bày câu trả lời theo chỉ định của GV  **B4. GV đánh giá kết quả thực hiện:**  - GV chuẩn hóa kiến thức.  ***Câu hỏi 1:*** *Nguyên nhân chủ yếu khiến Chí Phèo tìm đến cái chết là những định kiến tồn tại lâu đời ở làng quê và rộng hơn là bối cảnh ngột ngạt của cuộc sống ở nông thôn Việt Nam trước Cách mạng.*  ***Câu hỏi 2:*** *Nam Cao là nhà văn nhân đạo sâu sắc khi ông thấu hiểu nhân vật cũng là thấu hiểu con người. Ở vào hoàn cảnh của Chí Phèo, cái chết là tất yêu.* | **c. Bi kịch bị cự tuyệt quyền làm người lương thiện**  ***\**** *Cái chết của Chí Phèo:*  *- Nguyên nhân:*  + Về mặt xã hội: Chí Phèo đã thực sự hoàn lương nhưng xã hội đầy định kiến đã từ chối anh.  + Về mặt tính cách nhân vật: Chí bế tắc khi không thể làm người lương thiện và cũng không thể lại trở về làm quỷ dữ.  + Về diễn biến của câu chuyện: Chí đã giết bá Kiến bởi vậy bè lũ phong kiến sẽ không tha cho anh. Cái chết là tất yếu.  *- Đánh giá:*  Nguyên nhân chủ yếu khiến Chí Phèo tìm đến cái chết là những định kiến tồn tại lâu đời ở làng quê và rộng hơn là bối cảnh ngột ngạt của cuộc sống ở nông thôn Việt Nam trước Cách mạng.  *- Ý nghĩa:*  + Cái chết của Chí là đỉnh cao của bi kịch bị cự tuyệt quyền làm người lương thiện.  + Cái chết của Chí thể hiện khát vọng lương thiện của một cá nhân đòi quyền được công nhận nhân cách.  + Cái chết của Chí nói lên bản chất lương thiện sau bao vùi dập của anh. |

**Nội dung 3: Tổng kết**

**a. Mục tiêu:**

- HS hệ thống các kiến thức đã được khám phá

**b. Nội dung:**

- HS tiến hành tổng kết các kiến thức đã học

- GV nhận xét, đánh giá

**c. Sản phẩm**

- Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **B1. GV chuyển giao nhiệm vụ**  GV nêu câu hỏi:  **Câu hỏi 1:** *Nêu giá trị hiện thực và giá trị nhân đạo của truyện ngắn “Chí Phèo”*  **Câu hỏi 2:** *Hệ thống hóa những nét đáng chú ý trong nghệ thuật kể chuyện của Nam Cao ở truyện ngắn Chí Phèo trên các phương diện: người kể chuyện, điểm nhìn và lời trần thuật.*  **B2. HS thực hiện nhiệm vụ.** HS làm việc cá nhân, suy nghĩ và trả lời câu hỏi  **B3. HS báo cáo, thảo luận.** HS trình bày câu trả lời theo chỉ định của GV  **B4. GV đánh giá kết quả thực hiện:**  - GV chuẩn hóa kiến thức.  - GV nhấn mạnh một số phương diện:  *+* ***Người kể chuyện:*** *Người kể chuyện toàn tri mang đến câu chuyện với tư cách khách quan bởi vậy có thể đưa ra những bình luận, đánh giá về nhân vật, sự việc trong câu chuyện từ đó khiến lời kể trở nên độc đáo và làm câu chuyện hấp dẫn hơn.*  **+ Điểm nhìn:** *Việc gia tăng trần thuật theo ý thức nhân vật cho thấy sự đột phá trong quan niệm nghệ thuật của Nam Cao: văn chương cần phải khám phá hiện thực tâm lí của con người.*  **+ Lời trần thuật:** *trần thuật đa giọng điệu; đa điểm nhìn; đặc biệt có sự kết hợp, cộng hưởng giữa ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết tạo ra các hiện tượng lời nửa trực tiếp, lời độc thoại nội tâm.* | **III. TỔNG KẾT**  **1. Nội dung**  **- Giá trị hiện thực:**  + Tác phẩm phản ánh chân thực bức tranh cuộc sống làng quê Việt Nam trước Cách mạng với những mâu thuẫn giai cấp gay gắt giữa bọn địa chủ cường hào thống trị với người nông dân lao động, và tình trạng tha hóa khá phổ biến trong xã hội.  + Truyện ngắn đã phản ánh sự cai trị độc ác, tàn nhẫn của bè lũ phong kiến ở làng quê Việt Nam đồng thời tái hiện chân dung của những người nông dân lương thiện bị bần cùng hóa, tha hóa.  **-Giá trị nhân đạo.**  + Lên án, tố cáo XH thực dân pk tàn bạo đã đẩy người nông dân đến bước đường cùng, tước đoạt quyền sống, quyền làm người lương thiện.  + Đồng cảm với nỗi đau của những số phận người nông dân lương thiện như Chí Phèo, thị Nở  + Khẳng định niềm tin của tác giả vào bản chất lương thiện của những người nông dân cả khi tưởng như họ đã mất cả nhân hình lẫn nhân tính.  **2. Nghệ thuật**  Truyện ngắn độc đáo từ nghệ thuật xây dựng nhân vật đến nghệ thuật trần thuật.  - Người kể chuyện: Người kể chuyện toàn tri sử dụng ngôi thứ ba mang đến cái nhìn khách quan.  - Điểm nhìn: Người kể chuyện toàn tri không chỉ sử dụng điểm nhìn bên ngoài mà còn có thể sử dụng điểm nhìn bên trong để mở ra thế giới nội tâm nhân vật. Người kể chuyện gia tăng việc trần thuật theo ý thức nhân vật.  - Lời trần thuật: trần thuật đa giọng điệu; đa điểm nhìn; đặc biệt có sự kết hợp, cộng hưởng giữa ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết tạo ra các hiện tượng lời nửa trực tiếp, lời độc thoại nội tâm. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:**

**-** HS củng cố kiến thức đã học

- Rèn luyện năng lực tạo lập văn bản

**b. Nội dung:**

**-** GV yêu cầu HS viết đoạn văn khoảng 150 chữ

**c. Sản phẩm**

- Đoạn văn của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS:  *Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ” trình bày suy nghĩ của anh/ chị về chi tiết bát cháo hành của thị Nở trong truyện ngắn Chí Phèo.*  **B2. HS thực hiện nhiệm vụ.** HS làm việc cá nhân, suy nghĩ và trả lời câu hỏi  **B3. HS báo cáo, thảo luận.** HS trình bày câu trả lời theo chỉ định của GV  **B4. GV đánh giá kết quả thực hiện:**  - GV nêu sản phẩm dự kiến, chuẩn hóa kiến thức.  - GV gợi ý:  + *Chi tiết bát cháo hành xuất hiện ở giai đoạn nào của tác phẩm? Đoạn đó nói về sự việc gì?*  *+ Chi tiết bát cháo hành thể hiện được điều gì về mối quan hệ thị Nở - Chí Phèo và có tác dụng soi rọi tâm lí nhân vật chính ra sao?*  *+ Tác giả chú ý tô đậm chi tiết này như thế nào?*  *+ Vì sao bát cháo hành lại có thể trở thành biểu tượng của sự săn sóc và tình người nói chung, từ khi được nhà văn Nam Cao kể lại trong tác phẩm Chí Phèo?* | **IV. LUYỆN TẬP**  **Đề bài:**  *Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ” trình bày suy nghĩ của anh/ chị về chi tiết bát cháo hành của thị Nở trong truyện ngắn Chí Phèo.*  **Hướng dẫn:**  Gợi ý một số ý chính sau đây:  - Vị trí của chi tiết bát cháo hành: Chi tiết bát cháo hành xuất hiện sau cuộc gặp giữa Chí Phèo và thị Nở.  - Bát cháo hành thể hiện mối quan hệ thân mật giữa thị Nở và Chí Phèo. Đối với Chí Phèo, bát cháo hành của thị Nở là điều đầu tiên hắn được cho bởi vậy hắn rất xúc động.  - Nhà văn đã tô đậm chi tiết bát cháo hành thông qua sự ghi nhớ của Chí Phèo về hương cháo hành đến mãi sau này.  - Bát cháo hành trở thành biểu tượng của sự săn sóc và tình người nói chung từ khi được nhà văn Nam Cao kể lại trong tác phẩm Chí Phèo bởi sự kết hợp của ba yếu tố:  + Cháo hành được tạo nên bởi những nguyên liệu đơn sơ, mộc mạc, gần gũi người Việt Nam  + Bát cháo hành được thị Nở ân cần mang đến cho Chí Phèo mà không hề tính toán, vụ lợi.  + Sức sống của tác phẩm Chí Phèo |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:**

**-** HS vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết tình huống cụ thể

**b. Nội dung**

- HS thực hiện viết bài văn theo yêu cầu

**c. Sản phẩm**

- Bài viết của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

GV yêu cầu HS:

*So sánh và nhận xét về đoạn kết của hai truyện ngắn Chí Phèo (Nam Cao) và Vợ Nhặt (Kim Lân)*

**B2. HS thực hiện nhiệm vụ.** HS làm việc cá nhân, suy nghĩ và trả lời câu hỏi

**B3. HS báo cáo, thảo luận.** HS trình bày câu trả lời theo chỉ định của GV

**B4. GV đánh giá kết quả thực hiện:**

- GV gợi ý:

+ Ở “Chí Phèo”, câu chuyện khép lại dự báo luẩn quẩn, bế tắc của cho những số phận trong tác phẩm với sự trở lại của hình ảnh *“chiếc lò cũ bỏ không, xa nhà cửa và vắng người lại qua”,*

+ Ở “Vợ nhặt”, câu chuyện khép lại với dự báo tương lai sáng sủa, hạnh phúc cho các nhân vật nhờ sự xuất hiện của chi tiết *“đám người và lá cờ đỏ bay phấp phới”.*

**4. Củng cố**

GV nêu câu hỏi:

*Theo em, để giải thoát Chí Phèo khỏi số phận nghiệt ngã thì cần phải làm gì?*

**5. Hướng dẫn về nhà**

- Ôn tập kiến thức đã khám phá

- Chuẩn bị bài học tiếp theo.

Ngày soạn:

**BÀI 1 : PHẦN II: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**ĐẶC ĐIỂM CƠ BẢN CỦA NGÔN NGỮ NÓI VÀ NGÔN NGỮ VIÊT**

Thời gian thực hiện: 1 tiết

**TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

- Học học sinh nhận biết được đặc điểm của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết

- Học sinh nhận tự nhận biết được các yếu tố hỗ trợ, ưu và nhược điểm của mỗi loại ngôn ngữ để vận dụng trong đời sống và tạo lập văn bản

- Học sinh biết vận dụng lý thuyết để làm bài tập

**2. Về năng lực:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến việc tạo lập và lĩnh hội văn bản; liên quan đến ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết.

- Năng lực đọc – hiểu các văn bản liên quan đến hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ; liên quan đến ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân trong quá trình giao tiếp bằng ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về những vấn đề liên quan đến hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ; về sự khác nhau giữa ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết.

- Năng lực tự học, tạo lập văn bản.

**3. Về phẩm chất:**

- Có ý thức và thói quen nói và viết thích hợp với từng dạng ngôn ngữ.

- Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:** Giáo án PP, ti vi

**2. Học liệu:**

**-**Bài soạn; Bài giảng Powerpoit; phiếu học tập

- Tư liệu tham khảo: Tiếng Việt thực hành (NXB Giáo dục, 2000)

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Tổ chức**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Tiết** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **Vắng** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**2. Kiếm tra bài cũ: (**kiểm tra kết hợp trong phần khởi động)

**3. Bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a.Mục tiêu:** Tạo tâm thế cho HS tiếp cận bài mới.

**b.Nội dung:** Thuyết trình, trình bày một phút

**c. Sản phẩm:** Kết quả luyện tập của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  -Giáo viên chuyển giao nhiệm vụ chia lớp thành nhóm ba người thảo luận trao đổi để hoàn thành  1. Tìm từ , cụm từ tương đương với các từ cột bên trái (ngôn ngữ viết)   |  |  | | --- | --- | | Ngôn ngữ viết | Ngôn ngữ nói | | 1. Sợ hãi  2. Tức giận  3. Rất đẹp  4. Lười biếng  5. Đi, chạy  6. Ăn  7. Chết |  |   **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  Học sinh thực hiện nhiệm vụ học sinh làm việc nhóm theo yêu cầu của giáo viên giáo viên  **B3. Báo cáo thảo luận:**  -Giáo viên gọi học sinh đại diện các nhóm Lên trình bày kết quả làm việc cả lớp lắng nghe và nhận xét bổ sung hoặc phản biện  -Giáo viên lắng nghe hỗ trợ tư vấn điều chỉnh  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  Giáo viên nhận xét đánh giá kết quả của học sinh theo mục Dự kiến sản phẩm | **.** Tìm từ , cụm từ tương đương với các từ cột bên trái (ngôn ngữ viết)   |  |  | | --- | --- | | Ngôn ngữ viết | Ngôn ngữ nói | | 1. Sợ hãi  2. Tức giận  3. Rất đẹp  4. Lười biếng  5. Đi, chạy  6. Ăn  7. Chết | 1. Lạnh xương sống, vãi linh hồn  2. Lộn cả tiết, điên tiết  3. Hết ý, khỏi chê, mê hồn  4. Lười chảy thây, lười thối thây  5. Té, phắn, biến, lượn ...  6. Chén, đớp, hốc ....  7. Nghẻo, toi, toi mạng, hai năm mươi ... | |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Nội dung 1. Kiến thức Tiếng Việt được học**

**a.Mục tiêu:**

-Học sinh biết cách nhận diện đặc điểm ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết

**b. Nội dung:**

- Học sinh thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của giáo viên

- Giáo viên hướng dẫn học sinh nhận biết và trình bày

**c. Sản phẩm:**

-Kết quả luyện tập của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **1.Hướng dẫn hs tìm hiểu ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết**  **Bước 1: giáo viên chuyển giao nhiệm vụ**  -Giáo viên yêu cầu học sinh đọc phần nhận biết ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết, việc theo nhóm (bàn học tập). Từ đó cho biết:  + Ngôn ngữ nói: đặc điểm, cách sử dụng  +Ngôn ngữ viết: đặc điểm cách sử dụng  **Bước 2: học sinh thực hiện nhiệm vụ**  -Học sinh làm việc nhóm theo yêu cầu của giáo viên giáo viên quan sát, tư vấn hỗ trợ **Bước 3: báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **-**Giáo viên gọi học sinh đại diện các nhóm lên trình bày kết quả làm việc, cả lớp lắng nghe nhận xét bổ sung phản biện  -Giáo viên lắng nghe, hỗ trợ tư vấn điều chỉnh  **Bước 4 : đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  -Giáo viên nhận xét, đánh giá kết quả của học sinh theo mục Dự kiến sản phẩm | **I**. **Lý thuyết**  **1.Ngôn ngữ nói**  -Trong giao tiếp bằng ngôn ngữ nói, người nói và người nghe tiếp xúc trực tiếp với nhau, thay vai luân phiên:  +Người nói ít có điều kiện gọt giũa lời nói’  + Ngôn ngữ nói thường có tính biểu cảm, tính cụ thể và tính cá thể cao.  +Nếu không có phương tiện kỹ thuật hỗ trợ thì ngôn ngữ nói chỉ tồn tại nhất thời và được truyền đi trong phạm vi không gian hạn chế.  -Cách sử dụng:  +Từ ngữ và cách diễn đạt thường ít được chấp nhận trong ngôn ngữ viết:  > Lớp từ mang tính khẩu ngữ (nhất là các trợ từ, thán từ. từ đưa đẩy chêm xen.....)  > Câu tỉnh lược, câu có yếu tố trùng lặp hay dư thừa  +Trong nhiều tình huống giao tiếp, người nói có thể dùng cách phát âm địa phương, từ ngữ địa phương, biệt ngữ....  + Ngôn ngữ nói thường cho phép người sử dụng phát huy tác dụng của ngữ điệu, cử chỉ điệu bộ nét mặt ..... để gia tăng hiệu quả giao tiếp.  **2.Ngôn ngữ viết**  -Trong ngôn ngữ viết, người viết và người đọc thường không có sự tiếp xúc trực tiếp. Người viết có thời gian để suy ngẫm lựa chọn cách biểu đạt, vì vậy, ngôn ngữ viết nói chung được gọt dũa có khả năng lưu trữ thông tin lâu dài và hướng tới một phạm vi người đọc rộng lớn.  -Ngôn ngữ viết đòi hỏi người viết phải tuân theo các quy định về chính tả, từ vựng, ngữ pháp, bố cục trình bày, phong cách,.... đặc biệt ngôn ngữ viết có thể dùng các kiểu câu dài nhiều thành phần câu phức tạp. |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **2. Hướng dẫn HS tìm hiểu đặc điểm ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết**  **B1. Gv chuyển giao nhiệm vụ:**  -Giáo viên chuyển giao nhiệm vụ chia lớp thành 4 nhóm thảo luận trao đổi để hoàn thành  Yêu cầu HS so sánh đặc điểm của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết theo những đặc điểm sau:  - Hoàn cảnh sử dụng trong giao tiếp  - Phương tiện, yếu tố hỗ trợ  - Từ ngữ, câu.  - Ưu thế  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  Học sinh làm việc nhóm theo yêu cầu của giáo viên. GV quan sát, tư vấn hỗ trợ.  **B3. Báo cáo thảo luận:**  -Giáo viên gọi học sinh đại diện các nhóm lên trình bày kết quả làm việc cả lớp lắng nghe và nhận xét bổ sung hoặc phản biện  -Giáo viên lắng nghe hỗ trợ tư vấn điều chỉnh  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  Giáo viên nhận xét đánh giá kết quả của học sinh theo mục Dự kiến sản phẩm | **3. So sánh đặc điểm ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết**  **Bảng so sánh:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Ngôn ngữ nói** | **Ngôn ngữ viết** | | **Hoàn cảnh sử dụng trong giao tiếp** | - Tiếp xúc trực tiếp  - Nhân vật giao tiếp trực tiếp, phản hồi tức khắc, có sự đổi vai.  - Người nói ít có điều kiện lựa chọn, gọt giũa các phương tiện ngôn ngữ  - Người nghe ít có điều kiện suy ngẫm, phân tích | - Không tiếp xúc trực tiếp  - Nhân vật giao tiếp trong  phạm vi rộng lớn, thời gian  lâu dài, không đổi vai  - Người giao tiếp phải biết  các ký hiệu chữ viết, qui  tắc chính tả, qui cách tổ  chức VB.  - Có điều kiện suy ngẫm,  lựa chọn, gọt giũa các  phương tiện ngôn ngữ | | **Phương tiện, yếu tố hỗ trợ** | Sử dụng ngữ điệu rất đa dạng có sự phối hợp giữa âm thanh giọng điệu kết hợp với nét mặt cử chỉ điệu bộ, nét mặt ... | Hệ thống dấu câu, kí hiệu  văn tự, hình ảnh minh  hoạ, bảng biểu sơ đồ. | | **Từ ngữ** | Đa dạng, nhiều từ khẩu ngữ, từ địa phương tiếng lóng, chêm xen, đưa đẩy.... | Mang tính chính xác cao,  sử dụng lớp từ phù hợp v  ới từng phong cách ngôn ngữ. | | **Câu** | Câu tỉnh lược, câu rườm rà, có yếu tố dư thừa trùng lặp. | Câu nhiều thành phần được  tổ chức mạch lạc chặt chẽ. | | **Ưu thế** | Sử dụng ngữ điệu và các yếu tố hỗ trợ ngoài ngôn ngữ  -> tăng cường tối đa sức biểu đạt cho lời nói.  - Ngôn ngữ tự nhiên, giàu sức biểu cảm. | Có sự chuẩn bị  -> tính chính xác, mạch  lạc, chặt chẽ (từ ngữ, diễn  đạt, bố cục, sử dụng kí hiệu,  đề mục,…). |   \* Lưu ý:  Phân biệt : Nói và đọc  viết và ghi  - Nói và đọc  + Giống: Đều dùng ngôn ngữ âm thanh  + Khác:  Nói: Phát sinh trong hoàn cảnh giao tiếp, ý tưởng, tình cảm, thái độ… nảy sinh trong quá trình giao tiếp  Đọc: Có sẵn văn bản, chuyển thành lời.  - Viết và ghi  + Giống: Đều dùng chữ viết  + Khác:  Viết: Phát sinh trong hoàn cảnh giao tiếp gián tiếp, ý tưởng, tình cảm… nảy sinh thành hoạt động viết  Ghi: Người nói, người nghe cố gắng chuyển ngôn ngữ âm thanh thành văn bản.  Trong thực tế sử dụng ngôn ngữ, có hai trường hợp:  + Ngôn ngữ nói được ghi lại bằng chữ viết trong văn bản  + Ngôn ngữ viết trong văn bản được trình bày lại bằng lời nói miệng |

**Nội dung 2: LUYỆN TẬP**

**a.Mục tiêu:**

-Học sinh biết cách vận dụng kiến thức về câu để thự hành nhận diện đặc điểm ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết

**b. Nội dung:**

- Học sinh thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của giáo viên

- Giáo viên hướng dẫn học sinh nhận biết và trình bày

**c. Sản phẩm:**

-Kết quả luyện tập của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **THỰC HÀNH BÀI TẬP 1**  **B1. Gv chuyển giao nhiệm vụ:**  -Giáo viên chuyển giao nhiệm vụ chia lớp thành 4 nhóm thảo luận trao đổi để hoàn thành **Bài tập 1 (SGK Ngữ Văn 11 trang 36** )  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  Học sinh làm việc nhóm theo yêu cầu của giáo viên. GV quan sát, tư vấn hỗ trợ.  **B3. Báo cáo thảo luận:**  -Giáo viên gọi học sinh đại diện các nhóm lên trình bày kết quả làm việc cả lớp lắng nghe và nhận xét bổ sung hoặc phản biện  -Giáo viên lắng nghe hỗ trợ tư vấn điều chỉnh  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  Giáo viên nhận xét đánh giá kết quả của học sinh theo mục Dự kiến sản phẩm  **THỰC HÀNH BÀI TẬP 2**  **B1. Gv chuyển giao nhiệm vụ:**  -Giáo viên chuyển giao nhiệm vụ chia lớp thành 4 nhóm thảo luận trao đổi để hoàn thành **Bài tập 2 (SGK Ngữ Văn 11 trang 38)**  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  Học sinh làm việc nhóm theo yêu cầu của giáo viên. GV quan sát, tư vấn hỗ trợ.  **B3. Báo cáo thảo luận:**  -Giáo viên gọi học sinh đại diện các nhóm lên trình bày kết quả làm việc cả lớp lắng nghe và nhận xét bổ sung hoặc phản biện  -Giáo viên lắng nghe hỗ trợ tư vấn điều chỉnh  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  Giáo viên nhận xét đánh giá kết quả của học sinh theo mục Dự kiến sản phẩm | **II. Luyện tập**  **1.Bài tập 1 (SGK Ngữ Văn 11 trang 36** )  *a. Đặc điểm của ngôn ngữ nói được mô phỏng tái tạo trong đoạn trích thứ nhất*  -Tác giả thay vai liên tục từ người kể chuyện đến lời nhân vật Tràng, thể hiện rõ tâm trạng của nhân vật Tràng khi thị xuất bất ngờ xuất hiện  -Trong lời thoại của nhân vật tác giả sử dụng những từ cảm thán như: “à”, “hà”, ‘nhá”, “đấy” và những từ địa phương như “hờ”  🡪 Qua cách sử dụng ngôn ngữ nói vào trong văn viết, tác giả giúp người đọc có thể dễ dàng nắm bắt được tâm lý, cảm xúc của nhân vật qua những ngôn từ hết sức gần gũi, cụ thể từ đó làm nổi bật lên cuộc gặp gỡ đầy bất ngờ và trớ trêu trong tình thế khó khăn của hai con người điển hình của nạn đói  *b. Đặc điểm của ngôn ngữ nói được mô phỏng tái tạo trong đoạn trích thứ hai*  -Tác giả sử dụng linh hoạt những từ ngữ của văn nói như “biết gì”, “ơi”, “rồi”, “ai”...  🡪 Qua cách sử dụng linh hoạt ngôn ngữ nói, tác giả muốn thể hiện sự gian xảo trong lời nói cũng như của Bá Kiến chỉ bằng một vài câu nói ngắn ông đã có thể xoa dịu được một Chí Phèo say rượu, hung hăng. Trọng lượng của lời nói không chỉ thể hiện ở những câu từ trau chuốt, đôi khi sự đơn giản, dễ hiểu lại có giá trị thuyết phục đối với người nghe cao hơn.  **2.Bài tập 2 (SGK Ngữ Văn 11 trang 38)**  -Trong đoạn văn trên, tác giả đã rất thành công trong việc trau chuốt từ ngữ, cấu trúc để gợi lên khung cảnh tang tóc, thê lương của xóm ngụ cư khi cái đói tràn về. Câu văn ngắn cùng cách diễn đạt đơn giản: “*người chết như ngả rạ”, “cái đói đã tràn đến xóm này tự lúc nào”.....*  Kết hợp với nhiều từ láy mang ý nghĩa biểu tượng “xác xơ” “ngăn nắp”, “úp súp”, “heo hút”..... nhằm gợi lên một khung cảnh rùng rợn, tiêu điều, đáng thương mà ở đó người con người dường như trở thành những bóng ma vật vờ, đợi chờ cái chết. Cái đói năm Ất Dậu đã tràn đến xóm ngụ cư bao trùm lên cảnh vật và con người, gợi mở ra một tương lai đen tối, cái chết cận kề đang chờ đón họ |

**HOẠT ĐỘNG 3: VẬN DỤNG**

**a.Mục tiêu:**

-Đạt những yêu cầu về kĩ năng đọc hiểu văn bản, nắm được nội dung của bài, có sự vận dụng và mở rộng kiến thức

**b. Nội dung:**

- Học sinh thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của giáo viên

- Giáo viên hướng dẫn học sinh nhận biết và trình bày

**c. Sản phẩm:**

-Kết quả luyện tập của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

**BÀI TẬP. Phân tích lỗi và chữa lỗi những câu sau đây:**

1.Trong thơ ca Việt Nam thì đã có nhiều bức tranh mùa thu đẹp hết ý.

2.Còn như máy móc, thiết bị do nước ngoài đưa vào góp vốn thì không được kiểm soát, họ sẵn sàng khai vống lên đến mức vô tội vạ.

3.Cá, rùa, ba ba, ếch nhái, chim ở gần nước thì như cò, vạc, vịt, ngỗng,...thì cả ốc, tôm, cua...chúng chẳng chừa ai sất

**4. Củng cố:**

**5. HDVN:** - Xem lại các bài làm văn của anh (chị) để phát hiện và sửa các lỗi "viết như nói" (nếu có).

**Ngày soạn:**

**BÀI 1: CÂU CHUYỆN VÀ ĐIỂM NHÌN TRONG TRUYỆN KỂ**

**PHẦN 4: NÓI VÀ NGHE**

**Tiết 10:**

**THUYẾT TRÌNH VỀ NGHỆ THUẬT KỂ CHUYỆN**

**TRONG MỘT TÁC PHẨM TRUYỆN**

**(01 tiết)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức: Giúp học sinh:**

- Giới thiệu được những thông tin cơ bản về tác phẩm truyện được chọn để thuyết trình

- Học sinh trình bày về các nhận định, đánh giá về nghệ thuật kể chuyện của tác phẩm truyện một cách thuyết phục, rõ ràng, phối hợp với các phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ, làm nổi bật các nội dung thuyết trình

**2. Về năng lực**

**a. Năng lực cốt lõi: Nói và nghe**

***Nói***

- Trình bày được những ý kiến, quan điểm của cá nhân về giá trị của tác phẩm trông qua nghệ thuật kể chuyện

- Biết tranh luận với các ý kiến, quan điểm khác để bảo vệ ý kiến, quan điểm của mình

***Nghe***

- Nghe và nắm bắt được nội dung truyết trình, quan điểm của người nói. Biết nhận xét về nội dung và hình thức thuyết trình.

***Nói nghe tương tác***

- Biết thảo luận về một vấn đề có những ý kiến khác nhau; đưa ra được những căn cứ thuyết phục để bảo vệ hay bác bỏ một ý kiến nào đó.

**b. Năng lực chung:**

**-Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn**.**

**- Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiệnnhiệm vụ hợptác.

**- Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

**3. Về phẩm chất**

- Tôn trọng người đối thoại, lắng nghe tích cực.

- Tự tin thể hiện bản thân, có sắc thái, cảm xúc, giọng điệu khi tranh luận phù hợp

- Tôn trọng những cách cảm nhận, đánh giá đa dạng của người khách về một tác phẩm truyện.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:** Máy chiếu, máy tính, bảng viết...

**2. Học liệu:** SGK, sách giáo viên, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, Phiếu học tập, rubric đánh giá, bảng kiểm…

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Tổ chức**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **Vắng** |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**2. Kiếm tra bài cũ:**

**3. Bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về kiểu bài, kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.

**b. Nội dung:** GV cho HS xem 1 clip thuyết trình ngắn và yêu cầu học sinh chỉ ra những yếu tố làm nên thành công của bài thuyết trình đó

**c. Sản phẩm:** Nhận xét của HS thông qua phiếu học tập, GV dẫn dắt vào tiết học

**d. Tổ chức thực hiện**:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  HS xem clip thuyết trình và chỉ ra những yếu tố làm nên thành công của một bài thuyết trình thông qua việc hoàn thiện phiếu học tập 01  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ, trả lời câu hỏi thông qua cách hoàn thiện phiếu học tập 01  - GV quan sát, động viên quá trình thực hiện nhiệm vụ của học sinh.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - GV gọi 02 HS trình bày sản phẩm của mình, các hs khác lắng nghe và nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện:**  - GV nhận xét, cho điểm và dẫn dắt vào nội dung tiết học: | **-** Gợi ý đáp án  + Tìm hiểu kỹ về vấn đề thuyết trình  + Sắp các ý mạch lạc, logic  + Phong thái bình tĩnh tự tin.  + Giọng nói rõ ràng, mạch lạc  **+** Biết kết hợp yếu tố phi ngôn ngữ |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu:**

**-** Biết lựa chọn đề tài thuyết trình

**-** Nêu được tên truyện, tên tác giả, giá trị nội dung, những nét đặc sắc trong nghệ thuật kể chuyện của tác phẩm truyện đã chọn

- Biết cách tìm ý, sắp xếp ý hợp lý

**b. Nội dung:**

- HS đọc kỹ các thao tác chuẩn bị nói

- HS hoàn thiện phiếu học tập về kỹ năng nói – nghe

**c. Sản phẩm:** Sản phẩm bài viết bài trình bày bằng ngôn ngữ nói, giọng điệu của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **GV hướng dẫn HS Chuẩn bị nói**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**:  ? Hãy tìm ý và sắp xếp ý cho vấn đề thuyết trình theo nhóm đã phân công dựa vào hướng dẫn trong SGK tr.46 và triển khai các ý theo Phiếu học tập 02 và 03  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS hoàn thành phiếu học tập số 02 và 03  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**   * HS báo cáo sản phẩm và thảo luận về sản phẩm   **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện:**  - Nhận xét ý thức làm bài của HS, chất lượng sản phẩm học tập của các nhóm. | **I. Chuẩn bị nói**  **1. Lựa chọn đề tài**  - Vấn đề 1: Nghệ thuật kể chuyện trong truyện ngắn “Đời thừa” của Nam Cao (tổ 1,2)  - Vấn đề 2: Nghệ thuật kể chuyện trong truyện ngắn “Hai đứa trẻ” của Thach Lam (Tổ 3,4)  **2. Tìm ý và sắp xếp ý**  **\*Tìm ý bằng cách trả lời các câu hỏi:**  - Giới thiệu nét chính về tác giả, tác phẩm  - Câu chuyên được kể trong truyện là gì?  - Người kể chuyện ở ngôi thứ mấy? Điểm nhìn nhân vật?  - Đặc điểm của lời trần thuật?  - Vai trò của ngôi kể, điểm nhìn và lời trần thuật trong việc khắc họa nhân vật? |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (THỰC HÀNH NÓI VÀ NGHE)**

**a. Mục tiêu:** HStự tin, có kỹ năng trình bày sản phẩm thuyết trình trước tập thể lớp.

**-** Nêu được tên truyện, tên tác giả, giá trị nội dung, những nét đặc sắc trong nghệ thuật kể chuyện của tác phẩm truyện đã chọn

- HS trình bày được các nhận định, đánh giá về nghệ thuật kể chuyện một cách thuyết phục, nêu được luận điểm rõ ràng, có sự kết hợp giữa ngôn ngữ nói và các phương tiện phi ngôn ngữ.

- HS có kỹ năng nghe và phản hồi thông tin.

**b. Nội dung:** HS trình bày sản phẩm sau khi đã lập dàn ý xong, các HS khác lắng nghe và phản hồi ý kiến.

**c. Sản phẩm:** Phần thuyết trình của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **GV hướng dẫn HS thực hiện lập dàn ý bài thuyết trình**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**:  - HS nêu bố cục, dàn ý bài thuyết trình  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS hoàn thiện nhiệm vụ được giao  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**   * - Đại diện các nhóm nêu ngắn gọn dàn ý   **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện:**  - Quan sát, nhận xét ý thức làm bài của HS, chất lượng sản phẩm học tập của các nhóm.  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**:  - HS nêu bố cục, dàn ý bài thuyết trình và lập dàn ý cho đề 1, đề 2 theo sư phân công của GV  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS hoàn thiện nhiệm vụ được giao  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**   * - Đại diện các nhóm nêu ngắn gọn dàn ý   **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện:**  - Quan sát, nhận xét ý thức làm bài của HS, chất lượng sản phẩm học tập của các nhóm.  **HS thực hành thuyết trình**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**:  - GV lưu ý HS những điều cần chú ý của người nói và người nghe  - GV cử 01 HS làm MC dẫn dắt phần thuyết trình của các nhóm  - Mỗi vấn đề thuyết trình gọi 01 HS đại diện cho nhóm trình bày. Còn những HS khác lắng nghe, quan sát, theo dõi  **Bước 2: thực hiện nhiệm vụ**  HS thực hiện các nhiệm vụ được giao  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận.**   * Hs báo cáo sản phẩm và thảo luận về sản phẩm   **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - Nhận xét ý thức làm bài của HS, chất lượng sản phẩm học tập của các nhóm.  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**:  - GV lưu ý HS những điều cần chú ý của người nói và người nghe  - GV cử 01 HS làm MC dẫn dắt phần thuyết trình của các nhóm  - Mỗi vấn đề thuyết trình gọi 01 HS đại diện cho nhóm trình bày. Còn những HS khác lắng nghe, quan sát, theo dõi  **Bước 2: thực hiện nhiệm vụ**  HS thực hiện các nhiệm vụ được giao  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận.**   * Hs báo cáo sản phẩm và thảo luận về sản phẩm   **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - Nhận xét ý thức làm bài của HS, chất lượng sản phẩm học tập của các nhóm.  **GV hướng dẫn HS trao đổi và phản hồi**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**:  - GV lưu ý HS những điều cần chú ý trong trao đổi và phản hồi sau thuyết trình đối với người nói và người nghe  - GV cử 01 HS làm MC dẫn dắt và điều hành phần trao đổi và phản hồi của các nhóm sau thuyết trình  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS thực hiện nhiệm vụ được giao thông qua những câu hỏi, chia sẻ xung quanh vấn đề thuyết trình.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận.**   * Các HS tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến về bài thuyết trình   **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  **-** HS đánh giá phần thuyết trình của nhóm bạn và phần lắng nghe của bản thân thông qua bảng kiểm  - GV nhận xét ý thức làm bài của HS, chất lượng sản phẩm học tập của HS | **II. Thực hành nói**  **1. Lập dàn ý**  Bài nói gồm 3 phần, tập trung vào các nội dung sau:  **- Mở đầu**: giới thiệu ngắn gọn về tác giả vả tác phẩm truyện sẽ thuyết trình  **- Triển khai:** Thuyết trình tuần tự nội dung một cách hợp lí, kết hợp nhịp nhàng với việc trình chiếu hay minh họa trực quan nếu có  + Có thể kể lại ngắn gọn nội dung câu chuyện nếu tác phẩm ấy chưa được nhiều người biết đến  + Chỉ ra, đánh giá các phương diện nổi bật trong nghệ thuật kể chuyện của tác phẩm: Người kể chuyện, ngôi kể, điểm nhìn nhân vật; Lời trần thuật trong việc xây dựng nhân vật và khắc họa thời gian, không gian nghệ thuật; giọng điệu…  + Nhận xét về vai trò, ý nghĩa của nghệ thuật tự sự trong tác phẩm  **- Kết luận:**  + Khái quát lại những điều cảm nhận cũng như đánh giá về tính nghệ thuật của tác phẩm mà mình đã lựa chọn để thuyết trình.  + Khuyến khích người nghe chia sẻ những cảm nhận hay góc nhìn khác về tác phẩm  **1.1. Dàn ý đề 1: Nghệ thuật kể chuyện trong truyện ngắn “Đời thừa” của Nam Cao**  **a. Mở đầu:** Giới thiệu ngắn ngọn về tác giả Nam Cao và truyện ngắn “Đời thừa”  - ***Nam Cao***: là nhà văn xuất sắc của nền văn học Việt Nam hiện thực phê phán, bậc thầy trong việc phân tích, miêu tả tâm lý nhân vật  - ***Tác phẩm Đời thừa***: là truyện ngắn đặc sắc viết về đề tài người trí thức, được coi như tuyên ngôn của Nam Cao về văn học.  **b. Triển khai:**  **- *Nêu ngắn gọn nội dung tác phẩm* (*Câu chuyện được kể):*** cốt truyện đơn giản viết về đề tài người trí thức nghèo trước cách mạng. Câu chuyện xoay quanh bi kịch tinh thần không lối thoát của Hộ - một nhà văn có lý tưởng sống với những khát khao, hoài bão cao đẹp. Nhưng cuộc sống thực tại nghiệt ngã, nghèo khổ đã khiến Hộ không thực hiện được ước mơ của mình và phải sống trong sự dằn vặt, đau khổ, sống một cuộc “đời thừa”.  **- *Ngôi kể, điểm nhìn nhân vật***:  - Ngôi kể: Ngôi thứ 3  - Điểm nhìn:  + Bên trong: gắn với những suy nghĩ nội tâm, tư tưởng của nhân vật Hộ, giúp tác giả thể hiện tốt nhất nội tâm đang đấu tranh, giằng xé để nhận ra lỗi lầm của nhân vật. Anh yêu văn chương, sống với lý tưởng thanh cao nhưng nằm trên nỗi lo về mưu sinh, kiếm sống, anh không thể theo đuổi nó một cách trọn vẹn mà phải rẽ hướng rồi bị tha hóa.  + Điểm nhìn Bên ngoài: Người kể chuyện đứng đằng sau câu chuyện để miêu tả, khắc họa ngoại hình của nhân vật, người đọc cảm nhận được sự đáng thương, bi kịch của nhân vật từ ngoại hình.  + Điểm nhìn không gian và thời gian: có sự thay đổi linh hoạt tạo nên kiểu kết cấu tâm lý đặc trưng trong các truyện ngắn của Nam Cao. Thời gian trong chuyện có sự thay đổi dứt quãng từ hiện tại, quá khứ, tương lai…để khắc họa rõ bi kịch nội tâm không lối thoát của nhân vật, những trăn trở, dằn vặt của Hộ khi nhớ đến quá khứ, những dự định cho tương lai rồi lại đắm chìm trong thực tại với gánh nặng cơm, áo, gạo, tiền của mình.  ***- Lời trần thuật***: Kết hợp lời trần thuật nửa trực tiếp giữa lời kể của tác giả và lời tự vấn của nhân vật để diễn tả tâm lý nhân vật.  ***- Giọng điệu trần thuật***: vừa thương cảm, đồng cảm, xót thương vừa hàm chứa sự mỉa mai, nghiêm khắc đối với nhân vật khi để nhân vật tự bộc bạch tâm trạng của mình hay cách xưng hô đối với nhân vật (gọi nhân vật là “ hắn”). Ngôn ngữ trần thuật đời thường, sắc sảo, linh hoạt.  ***- Nhận xét về vai trò, ý nghĩa của nghệ thuật trần thuật trong tác phẩm:*** Với cách kiến tạo câu chuyện, lựa chọn ngôi kể và điểm nhìn linh hoạt, tác giả đã hướng ngòi bút vào việc miêu tả thành công thế giới tinh thần bên trong của nhân vật để khám phá con người trong con người, miêu tả và phân tích mọi biểu hiện, biến chuyển trong thế giới nội tâm nhân vật. Trong tác phẩm, Nam Cao không hướng ngòi bút vào việc miêu tả nỗi khổ cơm áo mà tập trung thể hiện nỗi đau đớn, dằn vặt tinh thần của nhân vật trước gánh nặng cơm áo làm mai một tài năng và xói mòn nhân cách.  **c. Kết luận:** Nghệ thuật tự sự của Nam Cao được thể hiện trên nhiều phương diện nhưng trong đó đáng chú ý nhất là về điểm nhìn và lối trần thuật của tác giả. Sự nhất quán giữa điểm nhìn và lối trần thuật giúp lời văn của tác giả trở nên chân thực, giá trị biểu cảm và ý nghĩa truyền tải được rõ nét hơn. Đây cũng là một điểm quan trọng góp phần làm nên thành công lớn của tác phẩm.  **1.2. Dàn ý đề 2: Nghệ thuật kể chuyện trong truyện ngắn “Hai đứa trẻ” của Thach Lam**  **a. Mở đầu: giới thiệu về tác giả Thạch Lam và tác phẩm “ Hai đứa trẻ”**  **- Tác giả Thạch Lam**: là thành viên chính của nhóm Tự lực văn đoàn. Ông quan niệm văn chương là một thứ khí giới thanh cao và đắc lực, nó tác động sâu sắc đến tư tưởng, tình cảm của con người.  **- Tác phẩm “Hai đứa trẻ”**: tiêu biểu cho giọng văn Thạch Lam nhẹ nhàng, thâm trầm, sâu sắc. Tác phẩm có sự kết hợp giữa yếu tố hiện thực và lãng mạn, tự sự và trữ tình  **b. Triển khai:**  **- *Nêu ngắn gọn nội dung tác phẩm* (*Câu chuyện được kể):*** cốt truyện đơn giản viết về cuộc sống nghèo khổ, quẩn quanh, bế tắc, tàn lụi của những người dân nơi phố huyện nghèo trước Cách mạng tháng 8. Qua đó, nhà văn đã thể hiện sự trân trọng đối với những khát khao đổi đời dù rất mong manh, mơ hồ của họ thông qua cảnh đợi tàu của chị em Liên và An – nhân vật chính của truyện  **- *Ngôi kể, điểm nhìn nhân vật***:  - Ngôi kể: ngôi thứ 3  - Điểm nhìn nhân vật**:** Điểm nhìn bên trong để miêu tả tâm hồn Liên một cách tinh tế, sâu sắc từ đó tác giả có thể đi sâu khai thác tâm trạng và cảm xúc, sự biến đổi tinh tế trong suy nghĩ của nhân vật. Tâm hồn nhạy cảm, nhân hậu của Liên khi thương xót cho những đứa trẻ không có tiền, mày mò tìm kiếm, nhặt nhạnh cái gì trong bãi rác. ..  + Điểm nhìn không gian: điểm nhìn từ xa đến gần, từ khái quát trên diện rộng đến cụ thể (cách miêu tả cảnh chợ tàn, chuyến tàu…)  + Điểm nhìn thời gian: có sự thay đổi linh hoạt từ cái nhìn đầy quẩn quanh, bế tắc trong hiện tại hướng đến quá khứ hạnh phúc và mơ ước tương lai tươi sáng nhưng mơ hồ ở phía trước của chị em Liên cũng như người dân phố huyện qua đó làm nổi bật lên sự thương cảm sâu sắc của tác giả đối với những kiếp người nhỏ bé trước cách mạng.  ***- Lời trần thuật***: kết hợp linh hoạt giữa lời trần thuật của người kể chuyện và lời nhân vật. Lời người kể chuyện chủ yếu miêu tả cảnh vật và con người. Lời nhân vật là những đối thoại rời rạc, chủ yếu mang tính xác nhận, phụ họa gợi ra không khí buồn tẻ, nhịp sống đều đều bình lặng của phố huyện nghèo….  ***- Giọng điệu trần thuật***: giọng điệu rất riêng, giọng điệu tâm tình thủ thỉ, nhẹ nhàng, chậm rãi, man mác buồn với những câu văn dài. Ngôn ngữ trần thuật giản dị, giàu hình ảnh, giàu chất thơ thể hiện sự thương cảm của tác giả đối với kiếp người nghèo khổ  ***- Nhận xét về vai trò, ý nghĩa của nghệ thuật trần thuật trong tác phẩm:*** Truyện ngắn “Hai đứa trẻ” với nghệ thuật kể chuyện đặc sắc, giọng văn cảm xúc và nhẹ nhàng, điềm tĩnh, khách quan đã tái hiện một cách chân thực cuộc sống nghèo đói, bế tắc của người dân trước cách mạng. Với việc lựa chọn điểm nhìn trần thuật linh hoạt được đặt vào nhân vật Liên – một cô bé mới lớn, giàu lòng trắc ẩn và rất tinh tế, ngôn ngữ kể chuyện nhẹ nhàng khiến tác phẩm có sức lan tỏa sâu sắc vào tâm trí người đọc như những mạch nước ngầm trong mát, dịu ngọt.  **c. Kết luận:** “Hai đứa trẻ” – Một cốt truyện đơn giản và nghệ thuật tự sự tài tình trong việc lựa chọn ngôi kể, điểm nhìn, lời trần thuật…đã khơi dậy cho người đọc những cảm xúc thuần khiết nhất. Thạch Lam đã có những chất liệu nghệ thuật vô cùng hoàn hảo để giúp tác phẩm vượt ra khỏi sự trói buộc của lối văn chương cũ để thể hiện cái tài riêng nổi bật của chính nhà văn..  **2. Thực hành nói - nghe**  **2.1 Một số yêu cầu nói và nghe.**  + Nêu đề tài của bài nói, trình bày lý do lựa chọn đề tài.  + Trình bày các ý của bài nói (theo đề cương đã chuẩn bị).  + Tóm tắt lại nội dung chính của bài nói, đưa ra một số ý tưởng mở rộng.  **\* Chú ý:**  + Sử dụng các từ ngữ chuyển tiếp phù hợp để tạo sự liên kết chặt chẽ cho bài nói, giúp người nghe dễ theo dõi. Ví dụ: *đầu tiên, tiếp theo, cuối cùng, tóm lại, thứ nhất, thứ hai,…*  + Sử dụng giọng nói và ngữ điệu một cách thích hợp: nhấn mạnh, lên giọng, xuống giọng khi cần thiết,…  + Sử dụng có hiệu quả các động tác cơ thể, biết giao tiếp bằng mắt với người nghe và di chuyển vị trí một cách hợp lí.  + Các phương tiện phi ngôn ngữ như hình ảnh, biểu đồ,…(nếu có) cần được sử dụng với mức độ vừa phải, cốt để làm nổi bật vấn đề muốn nói.  + Chú ý lắng nghe bài nói của bạn.  + Nghe trên tinh thần chuẩn bị đưa ra quan điểm của mình để đối thoại với người nói.  **2.2 Thực hành nói**  - Nhóm 1, 2 thuyết trình về nghệ thuật kể chuyện trong truyện ngắn Đời thừa.  - Nhóm 3, 4 thuyết trình về nghệ thuật kể chuyện trong truyện ngắn Hai đứa trẻ.    **3. Trao đổi**  **- Người nghe:**  + Chia sẻ điểm hợp lý và hấp dẫn trong bài thuyết trình  + Nêu những điểm còn băn khoăn hoặc cách đánh giá, cảm nhận về tác phẩm khác với người nói  + Có thể đưa ra những câu hỏi cho người thuyết trình về những nội dung mình tâm đắc.  **- Người nói:**  + Trả lời những thắc mắc từ người nghe  +Thể hiện thái độ tiếp thu chân thành, cởi mở với góp ý xác đáng, nghiêm tưc  + Chia sẻ thêm một số điểm mình muốn làm rõ hơn hay những phát hiện về tính nghệ thuật của tác phẩm  \* **Bảng kiểm tự đánh giá và đánh giá về bài trình bày**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Nội dung đánh giá** | **Kết quả** | | | **Đạt** | **Chưa đạt** | | **1** | Giới thiệu các thông tin cần thiết về tác phẩm truyện được lựa chọn để thuyết trình (Tác giả, hoàn cảnh ra đời…) |  |  | | **2** | Chỉ ra và đánh giá được các phương diện làm nên tính nghệ thuật của tác phẩm truyện |  |  | | **3** | Biết phối hợp nhịp nhàng giữa phần nói và phần trình chiếu hay minh họa trực quan |  |  | | **4** | Có phong thái tự tin, tương tác tốt với người nghe, thu hút được sự quan tâm của người nghe với tác phẩm |  |  |   \* **Bảng tự kiểm tra kĩ năng nghe**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Nội dung tự kiểm tra kĩ năng nghe** | **Kết quả** | | | **Đạt** | **Chưa đạt** | | **1** | **Kiểm tra kết quả nghe:** | | | | Nội dung nghe và ghi chép lại đã chính xác chưa? |  |  | | Thu hoạch được những gì về nội dung và cách thức thuyết trình về nghệ thuật của một tác phẩm truyện của bạn? |  |  | | **4** | **Rút kinh nghiệm về thái độ nghe:** | | | | Đã chú ý và tôn trọng người thuyết trình chưa? |  |  | | Có nêu được câu hỏi và tham gia ý kiến trong quá trình thảo luận không? |  |  | |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:**

HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế.

**b. Nội dung:**

HS làm việc cá nhân, đưa ra suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về một vấn đề GV đặt ra.

**c**. **Sản phẩm:** Câu trả lời, sản phẩm học tập nhóm của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao bài tập)

**Bài tập:** Quay video thuyết trình về nghệ thuật tự sự của 1 tác phẩm truyện ngắn mà em yêu thích (Thời lượng 3 – 5 phút)

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS hoàn thiện bài tập theo yêu cầu của GV

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.

+ Thực hiện báo cáo việc thực hiện sản phẩm vào tiết học sau.

+ Báo cáo sản phẩm sau 01 tuần.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**

- Nhận xét ý thức làm bài và chất lượng sản phẩm học tập của HS

- Cho điểm hoặc phát thưởng.

**4. Củng cố:**

**-** HS suy nghĩ và trả lời các câu hỏi sau:

+ Theo em điều gì làm nên sức hấp dẫn của một truyện ngắn hiện đại (đề tài, trình tự, điểm nhìn, ngôn ngữ, cốt truyện….)

+ Suy nghĩ của em về hình tượng nhân vật nữ : Thị Nở (***Chí Phèo*** – Nam Cao) và người vợ nhặt (***Vợ nhặt*** – Kim Lân). Từ đó, đánh giá giá trị nhân đạo của mỗi tác phẩm. (So sánh sự giống nhau và khác nhau giữa các nhân vật. Lí giải…)

**5. HDVN:**

- HS xem lại toàn bộ nội dung bài học

- Hoàn thành các nhiệm vụ được giao, có kỹ năng khi tiếp cận các tác phẩm truyện ngắn hiện đại ngoài chương trình.

- Chuẩn bị bài mới: Bài 2 - Cấu tứ và hình ảnh trong thơ trữ tình

+ Xem và ghi chép những kiến thức quan trọng trong phần Tri thức ngữ văn

+ Xem trước các phiếu bài tập được giao và trả lời câu hỏi trong SGK

**PHIẾU HỌC TẬP**

**Phiếu học tập 01: Tìm hiểu về bài thuyết trình minh họa**

|  |  |
| --- | --- |
| ***- Vấn đề thuyết trình***:  ……………………………………………  …………………………………………… | **- *Cách sắp xếp luận điểm***:  ……………………………………………  …………………………………………… |
| **- *Phong thái người thuyết trình***:  ……………………………………………  …………………………………………… | **- *Giọng nói***:  ……………………………………………  …………………………………………… |
| **- *Các yếu tố phi ngôn ngữ được sử dụng***:  ……………………………………………  …………………………………………… | ***Cảm nhận, đánh giá chung của em về bài thuyết trình***:  ……………………………………………….  ………………………………………………. |

**Phiếu học tập 02: Tìm hiểu về nghệ thuật kể chuyện trong truyện ngắn**

**“Đời thừa” của Nam Cao**

|  |  |
| --- | --- |
| ***- Tác giả Nam Cao***:  …………………………………………  …………………………………………  - ***Tác phẩm Đời thừa***:  …………………………………………  ………………………………………… | ***- Câu chuyện được kể***:  …………………………………………………  …………………………………………………  …………………………………………………  …………………………………………………  ………………………………………………… |
| ***- Ngôi kể, điểm nhìn nhân vật***:  …………………………………………  ………………………………………… | - ***Lời trần thuật, giọng điệu trần thuật:***  ………………………………………………  ……………………………………………… |

**Phiếu học tập 03: Tìm hiểu về nghệ thuật kể chuyện trong truyện ngắn**

**“Hai đứa trẻ” của Thạch Lam**

|  |  |
| --- | --- |
| - ***Tác giả Thạch Lam***:  ……………………………………………  ……………………………………………  - ***Tác phẩm Hai đứa trẻ***:  ……………………………………………  ……………………………………………  ……………………………………………… | - ***Câu chuyện được kể***:  ……………………………………………  ……………………………………………  ……………………………………………  ……………………………………………  ……………………………………………  …………………………………………… |
| ***- Ngôi kể, điểm nhìn nhân vật***:  ……………………………………………  …………………………………………… | - ***Lời trần thuật, giọng điệu trần thuật:*** …  ……………………………………………  …………………………………………… |

**Dự kiến sản phẩm phiếu học tập 02, 03 của HS**

**Phiếu học tập 02: Tìm hiểu về nghệ thuật kể chuyện trong truyện ngắn**

**“Đời thừa” của Nam Cao**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Tác giả Nam Cao***: là nhà văn xuất sắc của nền văn học Việt Nam hiện thực phê phán, bậc thầy trong việc phân tích, miêu tả tâm lý nhân vật  ***Tác phẩm Đời thừa***:là truyện ngắn đặc sắc viết về đề tài người trí thức, được coi như tuyên ngôn của Nam Cao về văn học | ***Câu chuyện được kể***: cốt truyện đơn giản xoay quanh bi kịch không lối thoát giữa khát khao, hoài bão, lý tưởng sống cao đẹp và hiện thực cuộc sống nghiệt ngã, nghèo khổ của nhà văn Hộ, |
| ***Ngôi kể, điểm nhìn nhân vật***:  - Ngôi kể: Ngôi thứ 3  - Điểm nhìn:  + Bên trong: gắn với những suy nghĩ nội tâm, tư tưởng của nhân vật  + Điểm nhìn toàn tri: người kể chuyện biết trước câu chuyện  + Điểm nhìn không gian và thời gian: | ***- Lời trần thuật***: Kết hợp lời trần thuật nửa trực tiếp giữa lời kể của tác giả và lời tự vấn của nhân vật để diễn tả tâm lý nhân vật  ***- Giọng điệu trần thuật***: vừa thương cảm, đồng cảm, xót thương vừa hàm chứa sự mỉa mai, nghiêm khắc đối với nhân vật khi để nhân vật tự bộc bạch tâm trạng của mình hay cách xưng hô đối với nhân vật (gọi nhân vật là “ hắn”). Ngôn ngữ trần thuật đời thường, sắc sảo, linh hoạt. |

**Phiếu học tập 03: Tìm hiểu về nghệ thuật kể chuyện trong truyện ngắn**

**“Hai đứa trẻ” của Thạch Lam**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tác giả Thạch Lam**: là thành viên chính của nhóm Tự lực văn đoàn. Ông quan niệm văn chương là một thứ khí giới thanh cao và đắc lực, nó tác động sâu sắc đến tư tưởng, tình cảm của con người.  **Tác phẩm “Hai đứa trẻ”**: tiêu biểu cho giọng văn Thạch Lam nhẹ nhàng, thâm trầm, sâu sắc. Tác phẩm có sự kết hợp giữa yếu tố hiện thực và lãng mạn, tự sự và trữ tình | **Câu chuyện được kể**: Cuộc sống nghèo khổ, quẩn quanh, bế tắc, tàn lụi của những người dân nơi phố huyện nghèo trước Cách mạng tháng 8. Qua đó, nhà văn đã thể hiện sự trân trọng đối với những khát khao đổi đời dù rất mong manh, mơ hồ của họ thông qua cảnh đợi tàu của chị em Liên và An – nhân vật chính của truyện |
| **Ngôi kể, điểm nhìn nhân vật:**  **- Ngôi kể:** ngôi thứ 3  **- Điểm nhìn nhân vật:** Điểm nhìn bên trong để miêu tả tâm hồn Liên một cách tinh tế, sâu sắc từ đó tác giả có thể đi sâu khai thác tâm trạng và cảm xúc, sự biến đổi tinh tế trong suy nghĩ của nhân vật. Tâm hồn nhạy cảm, nhân hậu của Liên khi thương xót cho những đứa trẻ không có tiền, mày mò tìm kiếm, nhặt nhạnh cái gì trong bãi rác. .. | **Lời trần thuật**: kết hợp linh hoạt giữa lời trần thuật của người kể chuyện và lời nhân vật. Lời người kể chuyện chủ yếu miêu tả cảnh vật và con người. Lời nhân vật là những đối thoại rời rạc, chủ yếu mang tính xác nhận, phụ họa gợi ra không khí buồn tẻ….  - **Giọng điệu trần thuật**: nhẹ nhàng, chậm rãi, man mác buồn với những câu văn dài. Ngôn ngữ trần thuật giản dị, giàu hình ảnh, giàu chất thơ. |